

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Thời gian: **08 giờ 00 phút ngày 17/4/2021**
- Địa điểm: Hội trường Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ
Số 36 Ông Ích Đường, Quận Cẩm lệ, Thành phố Đà Nẵng.
- Thành phần tham dự: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/3/2021.

Nội dung chính của buổi họp:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng Công ty năm 2020;
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
3. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020;
5. Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát;
6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
7. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty;
8. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
9. Các vấn đề khác.

Tài liệu phục vụ Đại hội: Quý Cổ đông có thể nhận tại Văn phòng Tổng Công ty – Số 36 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng hoặc tải tại trang web của Tổng Công ty theo địa chỉ: www.hoatho.com.vn từ ngày 25 tháng 03 năm 2021.

Để tạo điều kiện thuận tiện cho Ban tổ chức, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự họp **trước ngày 10 tháng 04 năm 2021** qua điện thoại: **0236.3673770**; Fax: **0236.3846216**; Email: landtc@hoatho.com.vn hoặc gửi văn bản về địa chỉ số 36 Ông Ích Đường, Quận Cẩm lệ, TP Đà Nẵng theo đường bưu điện.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp phải mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân.
- Giấy ủy quyền có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (nếu là người được ủy quyền).

Mọi thông tin khác vui lòng liên hệ: Bà Đặng Thị Cẩm Lan – Thư ký HĐQT (SĐT: 0236.3673770).

Thông báo này thay cho giấy mời.

Trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông tham dự!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trí

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ

- **Thời gian:** 8h00, Thứ sáu ngày 17 tháng 4 năm 2021
- **Địa điểm:** Hội trường Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
(36 Ông Ích Đường, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng)

NỘI DUNG		Thời gian
I. THỦ TỤC KHAI MẠC		
* Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết	Ban tổ chức	8h00 – 8h15
* Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự		8h15 – 8h20
* Thông qua quy chế tổ chức cuộc họp (có biểu quyết)	Ban tổ chức	
* Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông	Ban thẩm tra tư cách cổ đông	8h20 – 8h25
* Giới thiệu Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.		8h25 – 8h35
* Thông qua chương trình họp	Ban tổ chức	
* Mời Chủ tọa và Thư ký lên làm việc		
II. PHẦN NỘI DUNG HỌP		
* Trình bày Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Thành viên Ban điều hành	8h35 – 8h50
* Trình bày: - Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình Quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021. - Tờ trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên Tổng Công ty (ESOP)	Thành viên Ban điều hành	8h50 - 9h15
* Trình bày báo cáo của HĐQT về công tác quản trị doanh nghiệp và định hướng chiến lược năm 2021.	Thành viên HĐQT	9h15 – 9h30
* Trình bày báo cáo thẩm tra hoạt động SXKD năm 2020 của Ban kiểm soát * Trình bày Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty	Trưởng Ban kiểm soát	9h30 – 9h50
* Trình bày: - Tờ trình sửa đổi Điều lệ Tổ chức hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty	Thành viên HĐQT	9h50 – 10h00
ĐẠI HỘI NGHỈ GIẢI LAO (15 phút)		
* Phần thảo luận đóng góp ý kiến của các cổ đông và giải đáp các ý kiến	Chủ tọa Đại hội	10h15 – 11h00
* Chủ tọa lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông để thông qua các nội dung văn kiện và các nội dung trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội	11h15 – 11h20
* Trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội * Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội Chủ tọa Đại hội	11h20 – 11h30
III. BẾ MẠC ĐẠI HỘI	Chủ tọa Đại hội	

Ban Tổ chức

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Bước vào năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động xấu, các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh bị suy giảm mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe doanh nghiệp và đời sống của người dân. Người dân ưu tiên việc mua nhu yếu phẩm, thực phẩm hơn là quần áo. Cơ cấu các mặt hàng giảm đột ngột và giảm sâu, đặc biệt là sản phẩm Veston, quần tây vốn được xem là mặt hàng chiến lược, có giá trị cao bị giảm sâu tới 70~80%. Theo đó, Doanh nghiệp buộc phải chuyển đổi sản xuất sản phẩm bảo hộ lao động, quần áo trong nhà, quần áo thể thao, khẩu trang, jacket... Sức mua toàn cầu giảm, áp lực lên cả nhà nhập khẩu nên các đối tác thay đổi phương thức thanh toán trả chậm, thậm chí có những đơn hàng trả chậm đến 3~4 tháng đã tạo nên áp lực rất lớn về vấn đề thanh toán tiền nguyên phụ liệu, trả chi phí lãi vay ngân hàng, trả lương cho người lao động....Đối tác giảm giá để giành lấy đơn hàng và không có kế hoạch đơn hàng dài hạn mà chỉ ngắn hạn theo tuần, tháng. Nhu cầu thị trường giảm, đơn hàng chuyển dịch sang các nước có ưu đãi về thuế suất như Bangladesh, Campuchia... khiến các doanh nghiệp dệt may thiếu hụt nguồn hàng trầm trọng.

- Những tác động của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Dệt may Việt Nam với quyết tâm giữ tối đa nguồn lao động tại đơn vị để vừa đảm bảo chống dịch hiệu quả, vừa đảm bảo sản xuất, đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp để thích ứng nhanh với tình hình mới và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó, các chỉ tiêu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tuy có giảm so với cùng kỳ năm 2019 nhưng cơ bản vẫn đạt được kế hoạch đề ra trong năm 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VÀ NHIỆM VỤ:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2020 so với NQ ĐHĐCĐ:

* Doanh thu hợp nhất đạt 3,256 tỷ đồng, bằng 77% so với năm 2019, đạt 102% so với kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020. Trong đó:

(Doanh thu Công ty mẹ đạt 3,062 tỷ đồng, giảm 23% so với năm 2019). Trong đó:

- + Doanh thu ngành may xuất khẩu: 2,324 tỷ đồng, bằng 71% so với năm 2019.
- + Thời trang đạt 81 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2019.
- + Doanh thu ngành sợi: 826 tỷ đồng, bằng 92% so với năm 2019.
- + Doanh thu khác: 25 tỷ đồng.

* Kim ngạch xuất khẩu đạt 186 triệu USD, bằng 78% so với năm 2019, đạt 103% kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020. Trong đó:

- + Thị trường Mỹ 36%.

- + Thị trường châu Âu 13%.
- + Thị trường châu Á 31% (trong đó Nhật Bản 24%).
- + Thị trường Canada 8%.
- + Thị trường khác 12%.
- * Sản phẩm chủ yếu:
 - + Sợi các loại: 16,238 tấn, tăng 2% so với năm 2019.
 - + May các loại: 19,08 triệu sản phẩm, bằng 90% so với cùng kỳ năm 2019.
- * Lợi nhuận hợp nhất thực hiện 70,12 tỷ đồng, bằng 57% so với năm 2019, đạt 117% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
- * Lợi nhuận riêng thực hiện: 64,5 tỷ đồng, bằng 53% so với năm 2019, đạt 108% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
- * Thu nhập bình quân: 7,4 triệu đồng/người/tháng.
- * Nộp ngân sách đạt 86 tỷ đồng.
- * Cổ tức dự kiến: 15% /vốn điều lệ.

❖ Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 2020:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị đủ năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính. Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt hoạt động của Tổng Công ty:

2.1. Công tác quản trị doanh nghiệp:

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty luôn thực hiện đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành.

2.2. Công tác thị trường:

- Tình hình dịch bệnh xảy ra và kéo dài đến hiện nay đã ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với cả hai ngành Sợi và May. Mặc dù tình hình hết sức khó khăn nhưng cả hai ngành đã cố gắng thực hiện nhiều giải pháp tích cực, linh hoạt để giữ được các khách hàng truyền thống cùng giải quyết, chia sẻ các khó khăn và tích cực khai thác, phát triển thêm được các khách hàng mới. Đây cũng là cơ hội để hai ngành tổ chức đánh giá và chọn lọc, sàng lọc khách hàng để tiếp tục phát triển.

2.3. Công tác sản xuất:

- Mặc dù tình hình thị trường sợi gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì tốt hệ thống sản xuất đảm bảo ổn định cả về năng suất và chất lượng. Thường xuyên triển khai liên tục nhiều giải pháp và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, điện, vật tư phụ tùng...tiết giảm chi phí tăng hiệu quả trong sản xuất. Công tác 5S luôn được chú trọng và tiến tới nâng lên bước cao hơn để tiếp tục cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sợi.

- Đối với ngành May: Mặc dù còn lúng túng và bị động trong giai đoạn đầu ứng phó với những tác động của dịch bệnh Covid-19 nhưng hầu hết các nhà máy đã nhanh chóng rút ra được bài học kinh nghiệm và triển khai các giải pháp khắc phục đảm bảo ổn định sản xuất. Hoàn thiện quy trình sản xuất và bộ tiêu chí đánh giá hệ thống sản xuất ngành May, đã thực hiện đánh giá tất cả các nhà máy may trong Quý IV/2020, qua công tác đánh giá và kiểm tra đã phát hiện được nhiều vấn đề tồn tại tại các đơn vị và đề ra hướng khắc

phục triệt để tiến tới xây dựng các nhà máy đạt chuẩn về chất lượng sản phẩm, môi trường làm việc và trách nhiệm xã hội.

2.4. Công tác đầu tư:

- Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid -19, Tổng công ty chỉ lựa chọn một số dự án trọng điểm được chuyển tiếp từ năm 2019 để tập trung triển khai, đã tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc thiết bị để phục vụ nhu cầu sản xuất và chuyển đổi mặt hàng tại các đơn vị bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đầu tư hoàn thành đưa dự án Nhà máy May Hòa Thọ - Triệu Phong giai đoạn 1 tại tỉnh Quảng Trị đi vào hoạt động tháng 9/2020 với quy mô 500 lao động; Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hơn 1 MW tại Tổng Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng cuối tháng 12/2020; Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT và hệ thống an ninh mạng; Tổng mức đầu tư trong năm 2020 khoảng gần 100 tỷ đồng.

2.5. Công tác tài chính:

Công tác quản lý dòng tiền ngày càng hiệu quả hơn, đảm bảo đủ nguồn vốn tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án. Công tác kế toán quản trị thường xuyên, tích cực trong việc phân tích chi phí và hiệu quả SXKD hàng tháng kịp thời.

2.6. Công tác quản trị nguồn nhân lực:

Luôn quan tâm, chăm lo đời sống của người lao động, duy trì các chế độ chính sách, phúc lợi của người lao động, vì vậy, người lao động yên tâm gắn bó với Tổng Công ty, nguồn lao động của Tổng Công ty ổn định đảm bảo đáp ứng cho công tác sản xuất. Công tác đào tạo, tuyển dụng được duy trì tốt, chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao.

2.7. Công tác khác:

- Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn của Tổng công ty luôn được giữ vững, công tác huấn luyện ,diễn tập quân sự , lực lượng bảo vệ, tự vệ của Tổng Công ty theo đúng quy định, hoàn thành tốt công tác khám tuyển gọi công dân nhập ngũ trong năm 2020.
- Công tác PCCC luôn được đảm bảo an toàn, không để xảy ra cháy nổ. Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác PCCC tại các đơn vị thành viên. Qua đó kịp thời phát hiện những tồn tại, rủi ro và đưa ra biện pháp khắc phục ngay những nguy cơ có thể xảy ra cháy nổ.
- Công tác môi trường luôn được Lãnh đạo Tổng Công ty quan tâm chỉ đạo sát sao, trong năm qua các đơn vị luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường được người dân cũng như các cơ quan chức năng tại địa phương đánh giá cao.
- Công tác khánh tiết, hội họp được chuẩn bị chu đáo, tiết kiệm.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2021:

- Căn cứ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu và nhu cầu nhập khẩu dệt may của 5 thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may Việt Nam gồm Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, dự báo tổng cầu dệt may thế giới năm 2021 đạt 707 tỷ USD tăng 12% so với 2020, bằng 95% kết quả 2019

- Căn cứ dự báo tổng cầu dệt may thế giới, dự báo xuất khẩu dệt may Việt Nam năm 2021 đạt khoảng 39 tỷ USD, tăng khoảng 14% so với 2020 và bằng khoảng 97% kết quả năm 2019.
- Các yếu tố tăng trưởng của ngành dệt may trong năm 2021 được dự báo là do tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, mặc dù tổng cầu dệt may toàn thế giới giảm, nhưng Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu dệt may vào Mỹ lớn nhất thế giới. Thị phần của hàng Dệt may tại thị trường Mỹ được dự báo sẽ tăng lên do nhiều nhãn hàng sẽ chuyển sản xuất từ Trung Quốc, Myanmar sang Việt Nam và Hiệp định thương mại tự do EVFTA có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020 dự báo làm tăng xuất khẩu giày 50% và dệt may 67% vào 2025 (MPI) và các hiệp định đã có hiệu lực khác: CPTPP, RCEP.
- Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn thách thức do tác động gián tiếp của xung đột thương mại Mỹ-Trung tạo ra các rủi ro hàng dệt may Việt Nam bị áp thuế nhập khẩu bổ sung vào Mỹ khi kim ngạch xuất khẩu hàng Việt Nam tăng đột biến; Các quốc gia sản xuất dệt may lớn như Ấn Độ tạo sức ép cạnh tranh xuất khẩu; Các thách thức về các vấn đề phát triển bền vững như môi trường, lao động... và hành vi người tiêu dùng thay đổi, sự tác động của môi trường công nghệ làm thay đổi cách thức cung ứng hàng dệt may từ các hãng thời trang đến nhà sản xuất.
- Bên cạnh đó, cho đến nay, chưa có một dự báo chính thức nào về thời điểm thế giới kiểm soát được dịch Covid 19 và trở lại các hoạt động kinh tế xã hội bình thường, do vậy, thách thức của 2020 gần như vẫn còn giữ nguyên trong năm 2021.

II. CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2021

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Doanh thu: 3,482 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2020.
- Kim ngạch xuất khẩu (tính đủ NPL): 206 triệu USD, tăng 10% so với năm 2020.
- Sản phẩm chủ yếu:
 - + Hàng may mặc các loại: 22 triệu sản phẩm.
 - + Sợi các loại: 15.295 tấn.
- Lợi nhuận (riêng): 70 tỷ đồng, tăng 8 % so với năm 2020.
- Lợi nhuận (hợp nhất): 75 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2020.
- Cổ tức 15%.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản trị:

Tập trung xây dựng hoàn thiện chiến lược kinh doanh gắn với chuyển đổi số của Tổng Công ty giai đoạn 2021-2030 để định hướng phát triển cho Tổng Công ty phù hợp với xu hướng của thời đại.

2. Công tác thị trường:

- Tiếp tục cơ cấu lại mặt hàng, khách hàng cho cả hai ngành sợi và may; phát triển và hoàn thiện chuỗi OEM nội tại của Tổng Công ty để tạo năng lực cạnh tranh tốt nhất. Mở rộng hơn nữa thị trường châu Âu và tận dụng tốt các ưu đãi của các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và tham gia như EVFTA, KVFTA, CPTPP, RCEP.
- Thường xuyên cập nhật tình hình thị trường và xây dựng các phương án dự phòng để ứng phó kịp thời với những thay đổi liên tục của thị trường.

- Hoàn thiện Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm ngành May của Tổng Công ty để tăng hiệu quả hoạt động của công tác thị trường, đón đầu các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.
- Chú trọng phát triển hơn nữa thị trường thời trang nội địa của Tổng Công ty, đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử để mở rộng và có những bước phát triển đột phá cho ngành thời trang nội địa của Tổng Công ty.

3. Công tác sản xuất:

- Xây dựng và hoàn thiện các nhà máy đạt chuẩn thực chất, đảm bảo tiêu chuẩn nhà máy thông minh cho cả hai ngành Sợi và May. Tập trung triển khai thực hiện tốt và triệt để việc chuẩn hóa hệ thống sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình đã ban hành và duy trì để ổn định chất lượng, tăng năng suất, hạn chế thấp nhất các rủi ro phát sinh.
- Tuân thủ tuyệt đối quy trình kỹ thuật và ưu tiên hàng đầu cho vấn đề chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu Hòa Thọ, làm cơ sở để bộ phận kinh doanh khai thác đơn hàng, khai thác thị trường.

4. Công tác đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin:

- Ứng dụng công nghệ thông tin sâu vào các mặt hoạt động của Tổng Công ty để đảm bảo mức độ sẵn sàng trong công tác chuyển đổi số.
- Tận dụng vay ưu đãi quỹ môi trường để tiếp tục đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái phục vụ sản xuất và nâng cao hiệu quả, trong đầu tư mới phải đặc biệt lưu ý hướng tới các giải pháp bảo vệ thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa cao nhằm tiết kiệm lao động, khai thác hết năng lực của thiết bị tự động, tránh lãng phí và đảm bảo mang lại hiệu quả tốt nhất.

5. Công tác quản trị nguồn nhân lực

- Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ thiết kế, Merchandiser, nhân sự kỹ thuật có trình độ cao, nhân sự công nghệ thông tin để đáp ứng với nhu cầu trong thời đại mới. Hoàn thiện nhân sự cho chuỗi năng lực OEM của Tổng Công ty tiến tới ODM thực chất.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống của người lao động để giữ vững được nguồn lao động đáp ứng yêu cầu của sản xuất, duy trì tốt hệ thống trách nhiệm xã hội, môi trường theo các yêu cầu mới và tình hình mới.
- Thực hiện tốt công tác truyền thông để xây dựng và giữ gìn hình ảnh, uy tín và thương hiệu của Tổng Công ty. Công tác truyền thông phải rõ ràng và xuyên suốt đến từng người lao động để người lao động thấu hiểu, chia sẻ và gắn bó với Tổng Công ty.

1. Công tác tài chính

- Phát huy hơn nữa công tác tài chính kế toán của Tổng Công ty, tăng cường công tác quản lý dòng tiền, cân đối tài chính hiệu quả để quản lý tốt các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty, đảm bảo nguồn tài chính an toàn để vượt qua các diễn biến khó lường của tình hình thế giới và trong nước, đảm bảo cho phát triển bền vững.
- Tiếp tục phát huy việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay dài hạn và ngắn hạn, đặc biệt là nguồn vốn cho vay ưu đãi có lãi suất thấp của ADB.

2. Công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Công tác khác

- Tiếp tục xây dựng thương hiệu Hòa Thọ lên tầm cao hơn, giữ vững và phát huy hơn nữa văn hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và xem đây là nòng cốt trong quá trình phát triển của Tổng Công ty.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh các phong trào thi đua trong lao động sản xuất, tập trung chăm lo về tiền lương và các chính sách cho người lao động và duy trì các chương trình phúc lợi cho người lao động.
- Tiếp tục tập trung cho công tác môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, an toàn vệ sinh thực phẩm của Tổng Công ty.

KẾT LUẬN CHUNG

Với những biến động, đầy khó khăn của nền kinh tế trong nước và thế giới trong nhiều năm qua, đặc biệt là ảnh hưởng khó lường của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ xác định đây vẫn là giai đoạn hết sức khó khăn của ngành dệt may nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực hết mình, với tâm huyết và sự ủng hộ, đồng cảm của các cổ đông, với sự đoàn kết trên dưới một lòng của đội ngũ CBCNV, Ban lãnh đạo Tổng công ty sẽ quyết tâm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu năm 2021, xây dựng Tổng công ty ngày càng lớn mạnh, đáp ứng sự tin tưởng của quý cổ đông và CBCNV.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020; Phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét cho ý kiến và quyết định các mục tiêu phát triển Tổng Công ty như đã trình bày trên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nguyễn Đức Trí

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2020

(Báo cáo hợp nhất)

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KPMG

LA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu
đồng

TT	TÀI SẢN	31/12/2020	31/12/2019
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	963,187	948,102
1	Tiền và tương đương tiền	44,218	30,304
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	24,358	15,283
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	343,222	247,341
4	Hàng tồn kho	514,037	616,188
5	Tài sản ngắn hạn khác	37,352	38,986
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	788,050	824,399
1	Các khoản phải thu dài hạn	1,165	4,385
2	TSCĐ	742,007	778,117
	- Tài sản cố định hữu hình	736,530	741,595
	- Tài sản cố định vô hình	1,296	1,475
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4,181	35,047
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14,874	14,008
4	Tài sản dài hạn khác	29,934	27,679
5	Lợi thế thương mại	70	210
III	TỔNG TÀI SẢN	1,751,237	1,772,501

TT	NGUỒN VỐN	31/12/2020	31/12/2019
IV	NỢ PHẢI TRẢ	1,273,247	1,291,041
1	Nợ ngắn hạn	946,954	911,788
2	Nợ dài hạn	326,293	379,253
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	477,990	481,460
1	Vốn chủ sở hữu	450,285	455,257
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	225,000	225,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Quỹ đầu tư và phát triển	131,582	113,283
	- Quỹ dự phòng tài chính		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	93,703	116,974
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
3	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27,705	26,203
VII	TỔNG NGUỒN VỐN	1,751,237	1,772,501

II.A KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,257,213
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	949
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,256,264
4	Giá vốn hàng bán	2,992,286
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	263,978
6	Doanh thu hoạt động tài chính	23,983
7	Chi phí tài chính	29,793
8	Lãi/lỗ được chia từ Cty liên kết	2,566
9	Chi phí bán hàng	80,739
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	109,819
11	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	70,176
12	Thu nhập khác	2,916
13	Chi phí khác	2,973
14	Lợi nhuận khác	(57)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70,119
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,880
17	Lợi nhuận sau thuế	62,239
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,587

III Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	"	45%	45%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	"	55%	55%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	"	73%	73%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	"	27%	27%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh	"	0.47	0.47
	- Khả năng thanh toán hiện hành	"	1.02	1.02
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản	"	3.55%	6.5%
	- Tỷ suất LNST/ doanh thu thuần	"	1.91%	2.7%
	- Tỷ suất LNST/ nguồn vốn chủ sở hữu	"	13.82%	25.6%

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
Tổng công ty CP Dệt May Hòa Thọ
Số: TTr-HĐQT-HT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v "phân phối lợi nhuận năm 2020"

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực ngày 1/1/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ;

Căn cứ quy chế tài chính của Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ được ban hành tại Quyết định số 806/QĐ-TCKT-HT ngày 27/10/2015;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty niên độ tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG:

* Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2020:	225.000.000.000 đồng
* Doanh thu thuần năm 2020(báo cáo kiểm toán riêng):	3.062.312.330.493 đồng
* Tổng lợi nhuận (P) kế toán trước thuế TNDN:	64.534.047.729 đồng
* Thuế thu nhập DN hiện hành:	7.314.822.438 đồng
* Lợi nhuận không được phân phối:	76.706.676 đồng
+ Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái cuối năm không được phân phối:	76.706.676 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

STT	Trích yếu	Giá trị	Tỷ lệ	Số dư sau khi phân phối
01	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	57.336.133.163		
02	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 được phân phối:	45.336.133.163		
	* Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	33.750.000.000	15%VĐL	
	* Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất	9.045.784.398	15,77% LNST	137.428.205.782
	* Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.240.348.765	2,16%LNST	69.029.140.123
	* Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	500.000.000	0,87% LNST	
	* Trích quỹ khen thưởng ban điều hành vượt kế hoạch lợi nhuận được giao (20% vượt kế hoạch)	800.000.000	1,4% LNST	
03	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối để đầu tư	12.000.000.000		43.000.000.000

Kính đề nghị quý cổ đông xem xét
Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Trí (Đã ký)

Số: /TTr-HĐQT-HT

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020
Và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ báo cáo tài chính (hợp nhất) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020: Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, các ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được hưởng như sau:

Lương và thù lao HĐQT, Ban kiểm soát :

STT	Đối tượng	Mức thù lao hàng tháng	Số tiền(đồng)
01	- Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm (tháng 1/2020-7/2020) - Chủ tịch HĐQT chuyên trách (tháng 8/2020 – 12/2020)	10.000.000 * 7 tháng* 1 người 80.000.000 -100.000.000 /tháng * 5 tháng * 1 người	70.000.000 400.000.000 – 500.000.000
02	Thành viên HĐQT	5.000.000 đ*12 tháng *4 người	240.000.000
03	Thành viên HĐQT chuyên trách	20.000.000 đ*12 tháng * 1 người	240.000.000
04	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	25.000.000đ*12 tháng *1 người	300.000.000
05	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000đ*12 tháng *2 người	72.000.000
	Tổng mức thù lao năm 2020 đảm bảo không vượt quá		1.422.000.000

Quyết toán số tiền thực chi:

STT	Đối tượng	Mức thù lao hàng tháng	Số tiền(đồng)
01	- Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm (tháng 1/2020-7/2020) - Chủ tịch HĐQT chuyên trách (tháng 8/2020 – 12/2020)	10.000.000 * 7 tháng* 1 người 72.751.878 /tháng * 5 tháng * 1 người	70.000.000 363.759.390
02	Thành viên HĐQT	5.000.000 đ*12 tháng *3 người 5.000.000 đ*5 tháng *1 người	180.000.000 25.000.000
03	Thành viên HĐQT chuyên trách	20.000.000 đ*12 tháng * 1 người	240.000.000
04	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	20.442.564 đ*6 tháng *1 người 19.090.909 đ*6 tháng *1 người	122.655.384 114.545.454
05	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000đ*12 tháng *2 người	72.000.000
	Tổng mức thù lao năm 2020		1.187.960.228

2. Mức lương, thù lao đề nghị chi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

STT	Đối tượng	Mức thù lao hàng tháng	Số tiền(đồng)
01	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	80.000.000 -100.000.000 /tháng	960.000.000 –1.200.000.000
02	Thành viên HĐQT	5.000.000 đ*12 tháng *4 người	240.000.000
03	Thành viên HĐQT chuyên trách	20.000.000 đ*12 tháng * 1 người	240.000.000
04	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	25.000.000đ*12 tháng *1 người	300.000.000
05	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000đ*12 tháng *2 người	72.000.000
	Tổng mức thù lao năm 2021 đảm bảo không vượt quá		2.052.000.000

Mức chi lương và thù lao trên chưa bao gồm thuế TNCN, Tổng Công ty sẽ chi trả phần thuế TNCN phát sinh.

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và cho ý kiến biểu quyết.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Đức Trị

V/v: “*Phương án phát hành cổ phiếu cho
CBNV Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ*”

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ;
- Để thực hiện chính sách đãi ngộ, khuyến khích các cán bộ nhân viên Tổng công ty đã có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Tổng công ty CP dệt may Hòa Thọ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Tổng năm 2021 theo phương án sau:

I. Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Tổng công ty:

Tên tổ chức phát hành: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ

Tên tiếng anh: HOA THO TEXTILE – GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

Tên viết tắt: HOA THO CORP

Mã chứng khoán: HTG

Trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3846290

Fax: 0236.3846216

Vốn điều lệ: 225.000.000.000 VNĐ

1. Mục đích phát hành cổ phiếu:

- Nhằm động viên và đãi ngộ với người lao động có nhiều đóng góp cho Tổng công ty;
- Khuyến khích và tạo sự gắn kết người lao động với sự phát triển của Tổng công ty;
- Bổ sung vốn điều lệ và hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

2. Khối lượng cổ phiếu bán, giá bán:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu bán: 1.125.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.000 đồng/CP
- Tổng giá trị phát hành dự kiến: 11.250.000.000 đồng (tương đương 5% Vốn điều lệ)

3. Đối tượng bán cổ phiếu: Là cán bộ nhân viên quản lý, đã có đóng góp vào sự phát triển của Tổng công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ. Cụ thể:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Kế toán trưởng
- Ban chấp hành Đảng ủy, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch công đoàn Tổng công ty
- Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát nội bộ, Thư ký HĐQT
- Giám đốc, phó giám đốc các Công ty, Nhà Máy trực thuộc và Công ty con
- Cán bộ quản lý Tổng công ty từ Phó phòng đơn vị tương đương trở lên

4. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng:

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 03 năm tính từ ngày hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên. Cổ phiếu được hưởng cổ tức.
- Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu người lao động được lựa chọn đã mua cổ phiếu đợt này xin thôi việc hoặc chuyển đến đơn vị khác ngoài Tổng công ty thì phải bán lại cho Tổng công ty với giá 10.000 đồng/CP. Công ty sẽ mua lại số cổ phiếu nói trên để làm cổ phiếu quỹ bằng nguồn tiền từ các quỹ hợp pháp phù hợp với quy định hiện hành.

5. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết:

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu chào bán cho cán bộ nhân viên Tổng công ty không được đăng ký mua hết, HĐQT sẽ quyết định phân phối tiếp cho các đối tượng khác trong Tổng công ty với giá và điều kiện hạn chế tương tự.

6. Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

7. Thời gian thực hiện:

Thời gian dự kiến thực hiện: 10 ngày ngay sau khi được ĐHĐC thường niên năm 2021 thông qua và được UBCKNN chấp nhận.

- Thời gian đăng ký mua cổ phiếu: trong vòng 15 ngày kể từ ngày ghi trên thông báo
- Thời hạn nộp tiền: trong vòng 20 ngày kể từ ngày ghi trên thông báo.

8. Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Cán bộ nhân viên được quyền mua cổ phiếu nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa được Tổng công ty mở tại Ngân hàng. Tiền mua cổ phần được thanh toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

II. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng quản trị sẽ lập phương án phát hành chi tiết (tỷ lệ phân phối cho từng đối tượng, danh sách cán bộ công nhân viên được mua cổ phiếu; phương án xử lý cổ phiếu lẻ/không mua hết; phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành; lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành, đồng thời thực hiện tất cả các thủ tục liên quan đến việc phát hành tăng vốn theo qui định hiện hành; lưu ký cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sau khi kết thúc việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Nguyễn Đức Trị

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG Cty CP DỆT MAY HÒA THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2021**

I. Danh sách Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm có:

1. Ông Nguyễn Đức Trị - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Lê Quốc Ân – Thành viên HĐQT.
3. Ông Phạm Văn Tân – Thành viên HĐQT.
4. Ông Nguyễn Văn Hải – Thành viên HĐQT.
5. Bà Trần Tường Anh – Thành viên HĐQT.
6. Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên HĐQT.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các phiên họp: 04 phiên họp
2. Xin ý kiến bằng văn bản: 19 lần
3. Các hoạt động chính:

- Chỉ đạo, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai phòng chống dịch bệnh Covid-19.
- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư xây dựng và đầu tư chiều sâu bổ sung máy móc thiết bị cho các đơn vị ngành May và Sợi, xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động nhà máy may Triệu Phong tại tỉnh Quảng Trị.
- Bổ nhiệm 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc, 01 Giám đốc điều hành Tổng Công ty.
- Chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện bổ sung, chỉnh sửa Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Điều lệ mẫu trình Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty xem xét phê duyệt.

Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định theo Điều lệ Tổng Công ty, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và hỗ trợ tích cực cho cơ quan điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty.

Ngoài các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo chuyên đề hoặc theo văn bản trình của cơ quan điều hành, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong các phiên họp, số lượng thành viên tham gia họp đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, các phiên họp đều có mời Trưởng ban kiểm soát tham gia theo quy định.

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức và xin ý kiến biểu quyết bằng văn bản của các thành viên HĐQT để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm tăng cường công tác quản trị, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua hoạt động kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Tổng Công ty. Sau giám sát Hội đồng quản trị đã có văn bản yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện ngay một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên.

III. Định hướng và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2021

1. Định hướng chiến lược:

- Tổ chức xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giai đoạn 2021 – 2030 gắn với chiến lược chuyển đổi số để đáp ứng với sự phát triển của thời đại và phù hợp với sự thay đổi trong tình hình mới.
- Thực hiện đúng và đủ các quyền hạn của Hội đồng quản trị đã quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp. Phát huy hoạt động quản trị của HĐQT, tăng cường mối liên hệ giữa Hội đồng quản trị với cổ đông, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung đào tạo nguồn nhân lực cấp cao; tập trung đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa cao, tiên tiến, hiện đại.

- Tổ chức lại mô hình hoạt động của Tổng Công ty theo hướng hiện đại, hiệu quả và phù hợp với sự phát triển của Tổng Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành tích cực quản trị dòng tiền, giảm thiểu rủi ro tài chính, xây dựng giải pháp, chiến lược nguồn tài chính cho công tác đầu tư chiều sâu và đầu tư đào tạo nguồn nhân lực.

- Tăng cường kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất để đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

- Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống cho người lao động và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2021

- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để nghe các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, báo cáo của Ban kiểm soát, thảo luận thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách...trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- Tổ chức các phiên họp đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh theo thẩm quyền của HĐQT được quy định trong Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty.

- Xây dựng định hướng, triển khai công việc, nhiệm vụ chiến lược của Tổng Công ty, quyết định các dự án và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong năm 2021, xác định tình hình thị trường sẽ tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng khó lường của dịch bệnh Covid-19, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Doanh thu: 3.482 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận hợp nhất: 75 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận riêng: 70 tỷ đồng.

+ Dự kiến chia cổ tức: 15%/vốn điều lệ

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2020 và chương trình hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông.

- Lưu TCT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Trị (đã ký)

*Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm
2021*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về kết quả thẩm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của
Tổng Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội.
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổ chức, hoạt động và qui chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ.
- Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 của Ban điều hành Tổng công ty.
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Thay mặt cho Ban kiểm soát tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thẩm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ. Báo cáo gồm 8 phần:

1. *Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020*
2. *Thù lao của Ban kiểm soát*
3. *Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị*
4. *Đánh giá hoạt động của Ban điều hành*
5. *Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các Cổ đông*
6. *Khuyến nghị của Ban kiểm soát*
7. *Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021*
8. *Đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021*

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, trên cơ sở quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, mỗi thành viên phụ trách những công việc phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn nên đã thực hiện tốt trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Tổng Công ty. Hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2020 gồm các nội dung sau:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty, kiểm tra hoạt động sản xuất của Công ty mẹ, các Công ty con và các đơn vị thành viên của Tổng công ty trong việc thực hiện các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã thông qua.

- Ban kiểm soát tổ chức họp hàng quý có đầy đủ các thành viên tham gia, nội dung các cuộc họp thông qua báo cáo đánh giá của BKS về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quý, năm của Tổng Công ty, thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

- Đại diện Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và tài chính, đồng thời tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao.

- Thẩm tra báo cáo tài chính quý, năm 2020 của Tổng công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, phối hợp với Ban kiểm soát nội bộ rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiến nghị và cảnh báo sớm nguy cơ tiềm ẩn có thể xảy ra nhằm hạn chế rủi ro và tăng cường công tác quản lý của Tổng Công ty.

II. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, thù lao của BKS thực hiện đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ đã được thông qua. Mức thù lao cụ thể được thể hiện chi tiết theo Báo cáo của Ban điều hành đã trình đại hội.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020 ngành dệt may chịu ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, nguồn nguyên liệu khan hiếm, nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc giảm mạnh, nhiều hãng tàu cắt giảm chuyến, xảy ra tình trạng thiếu công rỗng, giá cước vận chuyển quốc tế tăng đột biến...là các nguyên nhân làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhưng HĐQT đã nhạy bén và có những quyết định kịp thời trong chỉ đạo điều hành và điều chỉnh đầu tư từ đó khắc phục được những bất lợi, giữ vững sản xuất và giúp Tổng công ty thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Trên cơ sở các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết với các nội dung nằm trong trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý (và bất thường) theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm là phù hợp với quy định pháp luật, tuân thủ đúng quy định tại điều lệ và quy chế hoạt động, đáp ứng kịp thời theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- HĐQT quyết định các chủ trương đầu tư phù hợp với điều kiện và nhu cầu sản xuất, trong đó có việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và an ninh mạng để làm nền tảng cho chủ trương số hóa và đảm bảo an toàn dữ liệu của Tổng công ty.

2. Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ :

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, công tác kiểm toán nội bộ được duy trì thực hiện thường xuyên qua đó góp phần ngăn ngừa và hạn chế rủi ro cho Tổng Công ty.

- Ban kiểm soát nội bộ đã làm tốt chức năng kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các nội quy, quy định, quy trình quản lý đã được ban hành bởi Tổng công ty và các văn bản pháp luật của Nhà nước.

- Đồng thời báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành các hạn chế, thiếu sót thông qua công tác kiểm toán hoạt động, kiểm toán tài chính của từng đơn vị.

- Và đã thực hiện công tác giám sát khắc phục một cách thường xuyên chặt chẽ theo từng nội dung kiến nghị của các đơn vị nhằm khắc phục kịp thời và triệt để các hạn chế.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Từ tháng 08 năm 2020 mặc dù nhân sự của Ban điều hành có thay đổi(bổ nhiệm Tổng Giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc, 02 Giám đốc điều hành, 01 kế toán trưởng) nhưng với tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, cùng với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế Tổng Công ty, cộng với sự ủng hộ, nỗ lực của tập thể CBCNV nên kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020 đã thực hiện được cơ bản các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra, thể hiện cụ thể ở các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020 của Tổng Công ty

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ so sánh	
				NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện	(%) TH/NQ	(%) TH/ 2019
1	Doanh thu hợp nhất	tỷ đồng	4.253	3.200	3.256	102%	77%
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	238	180	186	103%	78%
3	Lợi nhuận hợp nhất (trước thuế)	tỷ đồng	122,69	60	70,11	117%	57%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>		120,67	60	64,53	108%	53%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	25%	15%	Dự kiến 15%		

- ✓ Doanh thu hợp nhất: đạt 3.256 tỷ đồng, đạt 102% so với nghị quyết đại hội đồng cổ đông, bằng 77% so với cùng kỳ năm 2019.
- ✓ Kim ngạch xuất khẩu: đạt 186 triệu USD, đạt 103% so với nghị quyết đại hội đồng cổ đông, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2019.
- ✓ Lợi nhuận hợp nhất: đạt 70,11 tỷ đồng, đạt 117 % so với nghị quyết đại hội đồng cổ đông, bằng 57% so với cùng kỳ.
- ✓ Lợi nhuận riêng: đạt 64,53 tỷ đồng, đạt 108 % so với nghị quyết đại hội đồng cổ đông, bằng 53% so với cùng kỳ

- ✓ Về chi trả cổ tức: từ cuối T7 năm 2020, Tổng Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu, với tỷ lệ chi trả 25%/ vốn điều lệ tương ứng 2.500 đồng/cổ phần. Tổng số tiền cổ tức năm 2019 đã chi trả cho cổ đông là 56,05 tỷ đồng.

2. Kết quả giám sát tình hình tài chính

2.1 Đánh giá về việc thực hiện chế độ kế toán và lập báo cáo tài chính:

- Các Báo cáo tài chính được lập theo quý, năm và được công bố đầy đủ, đúng hạn, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu của cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 kết thúc ngày 31/12/2020, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Ban kiểm soát ghi nhận báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính:

triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	So sánh	
			Tuyệt đối	Tương đối
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	963.187	948.102	15.085	102%
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.218	30.304	13.914	146%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	24.358	15.283	9.075	159%
Các khoản phải thu ngắn hạn	343.223	247.341	95.882	139%
Hàng tồn kho	514.037	616.188	(102.152)	83%
Tài sản ngắn hạn khác	37.352	38.986	(1.634)	96%
TÀI SẢN DÀI HẠN	788.050	824.399	(36.349)	96%
Các khoản phải thu dài hạn	1.165	4.384	(3.219)	27%
Tài sản cố định	737.826	743.070	(5.245)	99%
Tài sản dở dang dài hạn	4.181	35.047	(30.866)	12%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.874	14.008	866	106%
Tài sản dài hạn khác	30.005	27.889	2.116	108%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.751.237	1.772.501	(21.264)	99%
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	1.273.248	1.291.041	(17.793)	99%
Nợ ngắn hạn	946.954	911.788	35.166	104%
Nợ dài hạn	326.293	379.253	(52.960)	86%

VỐN CHỦ SỞ HỮU	477.990	481.460	(3.471)	99%
Vốn chủ sở hữu	477.990	481.460	(3.471)	99%
<i>Vốn cổ phần</i>	225.000	225.000		100%
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	131.581	113.283	18.298	116%
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	93.703	116.975	(23.271)	80%
<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	27.705	26.203	1.502	106%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.751.237	1.772.501	(21.264)	99%

Qua bảng số liệu trên ta thấy kết thúc năm tài chính 2020.

❖ Tổng tài sản là 1.751 tỷ đồng, giảm 1% tương ứng giảm 21 tỷ đồng so với năm 2019, chi tiết:

- Tài sản ngắn hạn là 963 tỷ đồng, tăng 2% tương ứng tăng 15 tỷ đồng so với năm 2019.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn là #343 tỷ đồng, tăng 39% tương ứng tăng 95 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là 327 tỷ đồng, tăng 116 tỷ đồng so với năm 2019 do khách hàng giãn lịch thanh toán nợ, đến cuối năm lịch thanh toán của khách hàng chưa đến kỳ trả nợ, tuy nhiên vẫn còn nợ quá hạn phát sinh là 7,1 tỷ đồng và TCT đã trích lập dự phòng giá trị 6,4 tỷ đồng.

+ Hàng tồn kho là 514 tỷ đồng, giảm 17% tương ứng giảm 102 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm là 408 tỷ đồng, giảm 124 tỷ đồng so với năm 2019; dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 5 tỷ đồng, tăng hơn 4 tỷ đồng so với năm 2019 do đơn hàng giảm và để hạn chế rủi ro Tổng công ty đã giảm tích trữ tồn kho và trích lập dự phòng cho một số tồn kho chưa bán.

- Tài sản dài hạn là 788 tỷ đồng, giảm 4% tương ứng giảm 36 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó, tài sản dở dang dài hạn là 4 tỷ đồng, giảm 30 tỷ đồng so với năm 2019 do kết chuyển giá trị các dự án đã hoàn thành qua Tài sản cố định.

❖ Tổng nguồn vốn là 1.751 tỷ đồng, giảm 1% tương ứng giảm 21 tỷ đồng so với năm 2019, chi tiết:

- Nợ phải trả là 1.273 tỷ đồng, giảm 1% tương ứng giảm 17 tỷ đồng so với năm 2019.

+ Nợ ngắn hạn là 946 tỷ đồng, tăng 4% tương ứng tăng 35 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 342 tỷ đồng, tăng 69 tỷ đồng so với năm 2019; phải trả người lao động là 243 tỷ đồng, giảm 57 tỷ đồng so với năm 2019.

+ Nợ dài hạn là 326 tỷ đồng, giảm 14% tương ứng giảm 52 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó Vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 315 tỷ đồng, giảm 51 tỷ đồng so với năm 2019.

- Vốn CSH là 478 tỷ đồng, giảm 1% tương ứng giảm 3,4 tỷ đồng so với năm 2019. Trong đó Quỹ đầu tư phát triển là 131 tỷ đồng, tăng 18 tỷ đồng so với năm 2019; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 93 tỷ đồng, giảm 23 tỷ đồng so với năm 2019.

2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2019	So sánh	
			Tuyệt đối	Tương đối
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.257.214	4.254.527	(997.313)	77%
Các khoản giảm trừ doanh thu	949	920	30	103%
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	3.256.264	4.253.607	(997.343)	77%
Giá vốn hàng bán	2.992.286	3.905.683	(913.396)	77%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	263.978	347.924	(83.946)	76%
Doanh thu hoạt động tài chính	23.983	25.720	(1.737)	93%
Chi phí tài chính	29.793	42.258	(12.465)	71%
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	<i>21.998</i>	<i>36.226</i>	<i>(14.228)</i>	<i>61%</i>
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	2.566	2.928	(362)	88%
Chi phí bán hàng	81.032	87.659	(6.626)	92%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	109.525	123.727	(14.201)	89%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.176	122.928	(52.752)	57%
Thu nhập khác	2.917	2.072	845	141%
Chi phí khác	2.973	2.304	669	129%
Lợi nhuận khác	- 56	- 233	176	24%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.119	122.695	(52.576)	57%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.881	6.042	1.839	130%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.238	116.653	(54.414)	53%

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 có các nội dung sau:

- Doanh thu hợp nhất đạt 3.257 tỷ đồng, đạt 77% so với cùng kỳ năm 2019
- Lợi nhuận kế toán trước thuế là 70,11 tỷ đồng, đạt 57% so với cùng kỳ năm 2019
- Về công tác quản lý và kiểm soát chi phí năm 2020:
 - Công tác kiểm soát chi phí của TCT được chú trọng từ khâu sản xuất đến bán hàng và quản lý, hầu hết các chi phí đều giảm hơn so với cùng kỳ.
 - Công tác thu hồi công nợ bán hàng, công tác hoàn thuế GTGT được Ban điều hành chú trọng, đến cuối tháng 12 tháng 2020 đã hoàn tiền thuế giá trị gia tăng của kỳ thuế tháng 10 năm 2020, tổng số tiền hoàn thuế trong năm 2020 là 114 tỷ đồng (tương đương cùng kỳ).
 - Đáng lưu ý là chi phí lãi vay năm 2020 giảm đáng kể so với cùng kỳ. Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 thì tỷ lệ chi phí lãi vay/doanh thu năm 2020 là 0,68%, giảm 0,18% so với cùng kỳ, tương ứng số tuyệt đối của chi phí lãi vay giảm 14 tỷ đồng (trong đó chi phí lãi vay ngắn hạn giảm hơn 6 tỷ đồng), lãi suất vay Usd ngắn hạn tại các tháng cuối năm 2020 khá tốt, duy trì từ 1,5%/ năm đến 1,9 %/năm. Mặc dù do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, một số khách hàng lớn đã xin giãn lịch thanh toán nợ làm cho tình hình thu hồi công nợ chậm lại, nhưng bên cạnh đó các phòng kinh doanh cũng đã đàm phán với các nhà cung cấp để giãn lịch thanh toán giúp giảm áp lực về thanh toán cho nhà cung cấp..
 - Tuy nhiên cũng có một số chi phí phát sinh tăng so với cùng kỳ như sau:
 - ✓ Chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động tăng 1,22 tỷ đồng do người lao động nghỉ việc tăng do ảnh hưởng của dịch Covid-19.
 - ✓ Chi phí vận chuyển thành phẩm Sợi tăng 4,47 tỷ đồng do tình trạng thiếu container trên thế giới, hãng tàu cắt giảm chuyến và tăng giá vận chuyển quốc tế từ tháng 8.2020 trở đi.

- ✓ Chi hỗ trợ các cơ quan hữu quan bằng tiền, khẩu trang, gạo...để phòng chống dịch Covid 19 tăng 760 triệu đồng.
- ✓ Chi phí thuê tài sản để đáp ứng nhu cầu sản xuất tăng 1 tỷ đồng do đơn vị phải thuê thiết bị chuyên dùng để sản xuất đơn hàng không đúng chuyên môn hóa.
- ✓ Chi phí dự phòng giảm giá thành phẩm, hàng hóa tồn kho tăng 4,65 tỷ đồng.

2.4. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	So sánh (2020-2019)
1. Chỉ tiêu thanh toán				
- Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,02	1,04	(0,02)
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,47	0,36	0,11
- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	2,66	2,68	(0,02)
2. Chỉ tiêu hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,30	5,53	(0,24)
<i>Ngày tồn kho bình quân</i>	<i>Ngày</i>	<i>68</i>	<i>65</i>	<i>3</i>
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	10,92	16,69	(5,76)
<i>Ngày thu tiền bình quân</i>	<i>Ngày</i>	<i>33</i>	<i>22</i>	<i>11</i>
Vòng quay các khoản phải trả	Vòng	2,33	2,75	(0,42)
<i>Ngày trả tiền bình quân</i>	<i>Ngày</i>	<i>154</i>	<i>131</i>	<i>23</i>
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	3,41	4,11	(0,70)
<i>Ngày luân chuyển vốn lưu động</i>	<i>Ngày</i>	<i>106</i>	<i>88</i>	<i>18</i>
3. Chỉ tiêu hiệu quả				
- Tỷ suất Lợi nhuận ròng/Doanh thu(ROS)	%	1,91%	2,74%	-0,83%
- Tỷ suất Lợi nhuận ròng/Tài sản(ROA)	%	3,53%	6,19%	-2,66%
- Tỷ suất Lợi nhuận ròng /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,97%	25,19%	-12,22%
- Tỷ suất Lợi nhuận ròng /Vốn điều lệ	%	27,66%	51,85%	-24,18%

Nhận xét của Ban kiểm soát:

- **Về chỉ tiêu thanh toán**
 - Hệ số thanh toán hiện hành là 1,02 lần, giảm nhẹ hơn cùng kỳ là 0,02 lần, chỉ số này tốt.
 - Hệ số thanh toán nhanh là 0,47 lần, tăng hơn cùng kỳ là 0,11 lần, chỉ số này tốt.
 - Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu là 2,66 lần, giảm hơn cùng kỳ là 0,02 lần, chỉ số này tốt.
- **Về chỉ tiêu hoạt động**
 - Vòng quay hàng tồn kho là 5,30 vòng, giảm nhẹ 0,24 vòng so với cùng kỳ làm cho ngày tồn kho bình quân tăng 3 ngày, chỉ số này tốt.
 - Vòng quay khoản phải thu là 10,92 vòng, giảm 5,76 vòng so với cùng kỳ làm cho ngày thu tiền bình quân tăng 11 ngày, nguyên nhân do ảnh hưởng của Covid 19 một số khách hàng xin giãn thời gian thanh toán nợ.
 - Vòng quay khoản phải trả là 2,33 vòng, giảm 0,42 vòng so với cùng kỳ làm cho ngày trả tiền bình quân tăng 23 ngày, chỉ tiêu này tốt.
 - Vòng quay vốn lưu động là 3,41 vòng, giảm 0,7 vòng so với cùng kỳ làm cho ngày luân chuyển vốn lưu động tăng 18 ngày, chỉ tiêu này tương đối.

- **Chỉ tiêu hiệu quả**

- Tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu (ROS) là 1,91%, giảm 0,83% so với cùng kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng/Tài sản (ROA) là 3,53%, giảm 2,66% so với cùng kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu (ROE) là 12,97%, giảm 12,22% so với cùng kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn điều lệ là 27,66%, giảm 24,18% so với cùng kỳ.
 - ❖ Nhìn chung, qua phân tích các chỉ tiêu tài chính năm 2020 Ban kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty vẫn tiếp tục được duy trì ổn định và lành mạnh, công tác quản lý và sử dụng vốn lưu động đang được kiểm soát tốt và có hiệu quả. Các hệ số thanh toán của Tổng công ty đang ở mức an toàn cho thấy Tổng công ty có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn.

2.5 Công tác đầu tư:

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid -19, Tổng công ty chỉ lựa chọn một số dự án trọng điểm được chuyển tiếp từ năm 2019 để tập trung triển khai hoàn thành kịp tiến độ, kết hợp với đầu tư mới các thiết bị lẻ, đầu tư nâng cấp các hệ thống phụ trợ để phục vụ cho nhu cầu sản xuất ở các đơn vị của toàn Tổng công ty với tổng giá trị đầu tư thực hiện trong năm 2020 là 98 tỷ đồng.

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án sau: dự án đầu tư xây dựng nhà máy may Triệu Phong - giai đoạn 1, dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại các đơn vị của Tổng công ty, dự án đầu tư hệ thống bảo vệ an ninh mạng và nâng cấp hạ tầng CNTT.

- Kết quả công tác đầu tư các dự án này: góp phần phục vụ cho nhu cầu sản xuất hàng may mặc, tận dụng được diện tích mái của nhà xưởng nhằm tự cung cấp, thay thế một phần nhu cầu sử dụng điện mua từ hệ thống điện lưới quốc gia, tăng cường an ninh mạng, bảo mật hệ thống mạng và an toàn dữ liệu, làm tiền đề cho chiến lược số hóa của Tổng công ty.

Nhìn chung công tác đầu tư năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm. Ban điều hành có nhiều giải pháp tiết kiệm và đã phát huy hiệu quả các dự án đầu tư.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

❖ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Tổng công ty phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- ✓ Luôn vì lợi ích chung của Tổng công ty;
- ✓ Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Tổng công ty.
- ✓ Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

❖ Theo đó, Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2020 như sau:

- Hằng quý, năm Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp HĐQT và đều có thực hiện công tác đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành những vấn đề còn tồn tại. Những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các tài liệu và thông tin về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- Giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ cộng tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Tổng Công ty, của cổ đông và tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế nội bộ.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên trao đổi để cùng bàn phương án tháo gỡ khó khăn trên tinh thần vì lợi ích chung của Tổng Công ty, của cổ đông và của người lao động. Do đó đã thực hiện hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty đã quyết nghị.

- Trong năm 2020, BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu kiểm tra hay khiếu nại nào của cổ đông gửi về Ban kiểm soát.

VI. KHUYẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực đến các ngành, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành dệt may cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đề nghị Lãnh đạo Tổng Công ty cần tiếp tục nghiên cứu thêm nhiều giải pháp để chủ động ứng phó nhằm giảm thiểu tác động của dịch bệnh, vượt qua khó khăn, duy trì sản xuất, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

1. Tiếp tục lãnh đạo và triển khai đồng bộ thực hiện tốt “mục tiêu kép” vừa chủ động phòng chống dịch vừa tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch; đồng thời tập trung nguồn lực cho công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu thay đổi tình hình kinh tế, chính trị thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến công tác sản xuất của Tổng công ty, từ đó xây dựng giải pháp ứng phó cụ thể để giảm thiểu các chi phí phát sinh, nhằm giữ vững sản xuất, đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
2. Đối với công tác đầu tư, cần cân đối đầu tư các thiết bị thông dụng để đáp ứng nhu cầu thuê thiết bị ở nhà máy, hạn chế tình trạng thuê ngoài, đặc biệt công tác đầu tư chiều sâu cần nghiên cứu đầu tư thiết bị công nghệ tự động cao, hiện đại, linh hoạt với nhu cầu sản xuất, đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị sản xuất ở các nhà máy, phòng ban để đạt hiệu quả tối ưu và để tạo được nguồn cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác báo cáo, lưu trữ, tra cứu.
3. Chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị dòng tiền, quản trị hàng tồn kho, quản trị công nợ, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay ưu đãi ADB, phát huy công tác kiểm soát chi phí, công tác thực hành tiết kiệm từ khâu sản xuất, bán hàng và quản lý nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
4. Tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro mở rộng thêm các tiêu chí đánh giá và kiểm soát theo chuyên đề nhằm hạn chế thiệt hại cho Tổng Công ty.
5. Đối với một số Công ty con, đơn vị thành viên hoạt động sản xuất chưa hiệu quả. Đề nghị HĐQT, BKH cần có những chỉ đạo quyết liệt các vấn đề còn tồn tại của đơn vị để tăng trưởng sản xuất và phát huy hiệu quả.

-
6. Cần quan tâm hơn nữa công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm phát huy năng lực, tính sáng tạo, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng Công ty.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng Cổ đông thực hiện giám sát hoạt động, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành theo đúng các quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực vì lợi ích của Cổ đông và vì lợi ích của Người lao động.

Năm 2021 cũng là một năm đầy thách thức, khó khăn đối với Tổng công ty, phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát gồm các nội dung chính sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm để ngăn ngừa thiệt hại cho Tổng Công ty
- Tham dự và tham gia thảo luận, kiến nghị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.
- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT và của các cổ đông

VIII. ĐỀ XUẤT ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Tổng Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính thưa Đại hội,

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra của Ban kiểm soát năm 2020. Rất mong nhận được những góp ý của Đại hội đồng cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của các quý vị cổ đông, sự phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kính chúc quý vị mạnh khỏe,
Chúc Đại hội thành công tốt đẹp,
Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Nguyễn Thị Kim Khanh

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT MAY HOÀ THỌ**

THÁNG NĂM [2021]

MỤC LỤC

CHƯƠNG I :

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG II :

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động
của Tổng Công ty**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG III :

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3 : Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty**Error! Bookmark not defined.**

Điều 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động**Error! Bookmark not defined.**

Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG IV :

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG KHOÁN, SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 6 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**Error! Bookmark not defined.**

Điều 7 : Chứng nhận cổ phần**Error! Bookmark not defined.**

Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác**Error! Bookmark not defined.**

Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần**Error! Bookmark not defined.**

Điều 10: Thu hồi cổ phần**Error! Bookmark not defined.**

Điều 11: Phát hành trái phiếu**Error! Bookmark not defined.**

Điều 12: Mua lại cổ phần

CHƯƠNG V :

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13 : Cơ cấu tổ chức quản lý**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG VI :

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 14 : Quyền của Cổ đông**Error! Bookmark not defined.**

Điều 15 : Nghĩa vụ của Cổ đông**Error! Bookmark not defined.**

Điều 16 : Đại hội đồng cổ đông**Error! Bookmark not defined.**

Điều 17 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông **Error! Bookmark not defined.**

Điều 18 : Các đại diện được uỷ quyền	Error! Bookmark not defined.
Điều 19 : Thay đổi các quyền	Error! Bookmark not defined.
Điều 20 : Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Error! Bookmark not defined.
Điều 21 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Error! Bookmark not defined.
Điều 22 : Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Error! Bookmark not defined.
Điều 23 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Error! Bookmark not defined.
Điều 24 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 25 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 26 : Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG VII :

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	47
Điều 28 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Error! Bookmark not defined.
Điều 29 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT	Error! Bookmark not defined.
Điều 30 : Các cuộc họp HĐQT	Error! Bookmark not defined.
Điều 31: Thường trực Hội đồng quản trị và các tiểu ban của HĐQT	35

CHƯƠNG VIII :

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,

CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý	Error! Bookmark not defined.
Điều 33 : Cán bộ điều hành.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	Error! Bookmark not defined.
Điều 35 : Thư ký Tổng Công ty	39

CHƯƠNG IX :

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36 : Thành viên Ban Kiểm soát	Error! Bookmark not defined.
Điều 37 : Ban Kiểm soát	Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG X :

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,

CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 38 : Trách nhiệm cân trọng	Error! Bookmark not defined.
Điều 39 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Error! Bookmark not defined.

Điều 40 : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XXI :

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 41 : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XII :

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY

Điều 42 : Công nhân viên và công đoàn**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XIII :

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43 : Cổ tức**Error! Bookmark not defined.**

Điều 44 : Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận44

CHƯƠNG XIV :

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45 : Tài khoản ngân hàng**Error! Bookmark not defined.**

Điều 46 : Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**Error! Bookmark not defined.**

Điều 47 : Năm tài khoá**Error! Bookmark not defined.**

Điều 48 : Hệ thống kế toán**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XV :

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49 : Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hằng quý**Error! Bookmark not defined.**

Điều 50 : Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XVI :

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51 : Kiểm toán**Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG XVII :

CON DẤU

Điều 52 : Con dấu74

CHƯƠNG XVIII :

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53 : Chấm dứt hoạt động**Error! Bookmark not defined.**

Điều 54 : Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đôngError! Bookmark not defined.

Điều 55 : Gia hạn hoạt động47

Điều 56 : Thanh lý.....Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG XIX :

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57 : Giải quyết tranh chấp nội bộError! Bookmark not defined.

CHƯƠNG XX :

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58 : Bổ sung và sửa đổi điều lệError! Bookmark not defined.

CHƯƠNG XXI :

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59 : Ngày hiệu lựcError! Bookmark not defined.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ (dưới đây gọi tắt là “**Tổng Công ty**” hoặc “**Công Ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, được sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần này nhằm phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại theo Điều lệ mẫu đã được Bộ tài chính ban hành (theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán).

Điều lệ sửa đổi bổ sung này đã được thông qua theo Nghị quyết số [@] của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty được tổ chức vào ngày [@] tháng [@] năm 2021 bao gồm 21 chương và 59 điều.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

- 1.1 Trong Điều lệ này, trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sẽ có ý nghĩa như quy định dưới đây:
- a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “Cổ phần có quyền biểu quyết” là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
 - d. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
 - e. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được quy định trong Điều lệ này;

-
- g. “Người quản lý khác” của Tổng Công ty bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng;
- h. “Cán bộ điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;
- i. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật chứng khoán;
- j. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2.5 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- k. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty và được viết tắt là “HĐQT”;
- l. “Đại Hội đồng cổ đông” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và được viết tắt là “ĐHĐCĐ”;
- m. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- n. “Chuyển nhượng cổ phần” là việc cổ đông thực hiện chuyển một phần hoặc toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của mình cho người khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- o. “Pháp luật” là hệ thống những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành ngày 18/6/2020;
- p. “Cổ đông” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- q. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;
- r. “Tổng Công ty” có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ.
- s. “Công ty mẹ” có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ.
- t. “Giá thị trường của cổ phần” có nghĩa là giá cổ phần của Tổng Công ty giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
- u. “VNĐ” hoặc “Việt Nam Đồng” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
- v. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

-
- w. Các trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty: Các trường hợp vi phạm Điều 39 Điều lệ này; hoặc Tổng Công ty có dấu hiệu thua lỗ đến 50% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- 1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung, tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4 Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

- 2.1 Tên Tổng Công ty:
- * Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ**
 - * Tên tiếng Anh: **HOA THO TEXTILE – GARMENT JOINT STOCK CORPORATION**
 - * Tên viết tắt : **HOA THO CORP**
- 2.2 Tổng Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam.
- 2.3 Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:
- * Địa chỉ trụ sở chính: 36 Ông Ích Đường, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng.
 - * Điện thoại : (0236) 3846290 - 3670295 – 3673770
 - * Fax : (0236) 3846216 - 3670423
 - * E-mail : office@hoatho.com.vn
 - * Website : www.hoatho.com.vn
- 2.4 Tổng Công ty có thể thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.5 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 54.1 và Điều 54.2 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập .

2.6 Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

- a. Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;
- b. Trừ khi được ĐHĐCĐ quyết định khác tùy từng thời điểm và trên cơ sở từng trường hợp cụ thể, người đại diện theo pháp luật có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - (i) có toàn quyền và chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu Tổng Công Ty và toàn bộ bản gốc các giấy tờ hồ sơ của Tổng Công Ty;
 - (ii) thay mặt và đại diện Tổng Công Ty, ký tất cả các tài liệu có liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật với tư cách là Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty này;
 - (iii) đại diện Tổng Công Ty với tư cách là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong tố tụng trọng tài hoặc Tòa án;
 - (iv) đại diện cho Tổng Công Ty trước bất kỳ bên thứ ba nào bao gồm cả các cơ quan Chính phủ tại Việt Nam; và
 - (v) các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty này và Luật Doanh Nghiệp.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

- 3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may. Kinh doanh nhà hàng. Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh khách sạn. Xây dựng công nghiệp và dân dụng. Kinh doanh siêu thị. Kinh doanh bất động sản. Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt. Kinh doanh giấy các loại. Kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại Trạm y tế.
- 3.2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là:
- a. Tổng Công ty được thành lập để huy động và sử dụng nguồn vốn trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm theo ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - b. Xây dựng, phát triển Tổng Công ty thành một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa ngành, có tiềm lực tài chính và trình độ kỹ thuật - công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển ngành dệt may hiện đại.
 - c. Nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có được của Tổng Công ty cho các cổ đông, nâng cao giá trị Tổng Công ty và

không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- d. Từng bước đưa “HOA THO CORP” trở thành một thương hiệu dệt may hàng đầu Việt Nam của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.
- e. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số các mục tiêu nêu tại điểm 4.1 Điều này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Tổng Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 4.1. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
- 4.2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.
- 4.3. ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định việc bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh khác được Pháp luật cho phép để đảm bảo nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty

5.1. Quyền của Tổng Công ty:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Tự chủ và chịu trách nhiệm về tài chính; về phân bổ và sử dụng vốn.
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- e. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- f. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- g. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Tổng Công ty.
- h. Tự do lựa chọn hình thức huy động vốn như vay, phát hành, chuyển nhượng, các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật.
- i. Xuất nhập khẩu hàng hoá theo quy định của Pháp luật.
- j. Quyết định phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước; lập quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- k. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tổng Công ty.

-
- l. Từ chối các yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định.
 - m. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật.
 - n. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ của hàng hoá theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
 - o. Được hưởng các ưu đãi về thuế của Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
 - p. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.
- 5.2. Nghĩa vụ của Tổng Công ty:
- a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
 - b. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty.
 - c. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, khả năng phát triển của Tổng Công ty và tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược, kế hoạch đề ra.
 - d. Sử dụng hợp lý lao động, tài sản đảm bảo hiệu quả kinh tế.
 - e. Công bố và chịu trách nhiệm về tính sát thực các báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty cho các cổ đông theo quy định. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật về kế toán.
 - f. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
 - g. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động; về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động; bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động và ưu tiên sử dụng lao động trong nước.
 - h. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
 - i. Thực hiện chế độ thống kê và báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính của Tổng Công ty với cơ quan Nhà nước theo quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

- j. Tuân thủ các quy định về an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường, môi sinh, di tích, danh lam thắng cảnh theo quy định của Pháp luật.
- k. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- l. Thực hiện các nghĩa vụ khác mà Điều lệ này và Pháp luật quy định.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU, CHỨNG KHOÁN VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 6.1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm thành lập là 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng, được chia thành 4.500.000 cổ phần (Bốn triệu, năm trăm cổ phần); tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 225.000.000.000 (hai trăm hai mươi lăm tỷ) đồng, được chia thành 22.500.000 cổ phần (hai mươi hai triệu, năm trăm ngàn cổ phần) với mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng Việt Nam).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty có thể thay đổi khi được ĐHĐCĐ thông qua, phù hợp với các quy định của Pháp luật và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, thay đổi theo từng thời kỳ và được ghi trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

- 6.2. Tổng Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty chỉ được sử dụng vào các mục đích như:

- a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị.
 - b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
 - d. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản phù hợp với quy định của Pháp luật.
 - b. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Tổng Công ty.
- 6.3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần của Nhà nước. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này.
- 6.4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 6.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Tổng Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.

- 6.6. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong tổng số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm sau đây:
- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - b. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công ty.
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do HĐQT quyết định.
- 6.7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ tiền và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty.
- 6.8. Sau khi cổ phần được bán và đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua cổ phần, Tổng Công ty sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tổng Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó của Tổng Công ty.
- 6.9. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những hình thức được ĐHĐCĐ cho phép và phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 6.10. Khi Tổng Công ty phát hành thêm cổ phần để chào bán trên thị trường chứng khoán thì thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7: Chứng nhận cổ phần

- 7.1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

-
- 7.2. Chứng nhận cổ phần phải có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phần phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp như sau:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty.
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
 - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.
 - Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Tổng Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
 - Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- 7.3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phần.
- 7.4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần cổ phần trong cổ phiếu kể cả cổ phiếu ghi danh hay không ghi danh thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 7.5. Nếu trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phần mới theo đề nghị của cổ đông đó, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: (i) cam kết cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng Công ty để tiêu hủy; (ii) cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới; (và (iii) thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc hủy hoại dưới hình thức khác.
- Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 (mười triệu) đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo Tổng Công ty sẽ xem xét cấp cổ phiếu mới.

-
- 7.6. Cho dù có quy định tại Điểm 6.8 trên, cổ đông vẫn phải gìn giữ cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhoe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 7.7. Tại từng thời điểm, Tổng Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 10: Thu hồi cổ phần

- 10.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.
- 10.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ nếu không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
- 10.3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
- 10.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật.

-
- 10.5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Điều 11: Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước khi bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.**Phát hành trái phiếu**

- 11.1 Tổng Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, chứng quyền đặt mua, thời điểm phát hành và tổng giá trị trái phiếu và phải báo cáo - giải trình phương án phát hành trái phiếu, chứng quyền với ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.
- 11.2 Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Tổng Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.
 - b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.
 - c. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
- 11.3 Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12: Mua lại cổ phần

12.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông được quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình khi:
 - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc;
 - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.
- b. Thủ tục yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần:

-
- Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại;
 - Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều 12.1(a) này.
- c. Nghĩa vụ của Tổng Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần:
- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại Điều này, Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thỏa thuận giữa cổ đông đó và HĐQT;
 - Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

12.2 Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức theo quy định sau đây:

- a. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
- b. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 12.2(c) dưới đây;
- c. Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Tổng Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:
 - Tên, trụ sở của Tổng Công ty;
 - Tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại;
 - Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
 - Thời hạn và thủ tục thanh toán;
 - Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Tổng Công ty. Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Tổng Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.
- d. Tổng Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13: Cơ cấu tổ chức quản lý

13.1 Mô hình quản trị Tổng Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng Cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Ban Kiểm soát
- d. Tổng giám đốc.

13.2 Nguyên tắc tổ chức hoạt động:

- a. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty là ĐHĐCĐ.
- b. ĐHĐCĐ bầu HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Tổng Công ty giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ. HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc để điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty.

13.3 Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và các Công ty liên kết trong đó Tổng Công ty đóng vai trò là Công ty mẹ.

- a. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ bao gồm: Các phòng ban chức năng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty.
- b. Các Công ty con là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mà Tổng Công ty:
 - (i) sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó
 - (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- c. Các Công ty liên kết là các Công ty mà Tổng Công ty có vốn góp nhưng không thỏa mãn các điều kiện như quy định tại Điều 13.3(b) ở trên hoặc các Công ty có liên kết với Tổng Công ty về khai thác thị trường, về thương hiệu và các hình thức liên kết khác.

(Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”).

13.4 Các nguyên tắc và quan hệ giữa các Công ty trong Nhóm Công ty:

- a. Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết là những pháp nhân độc lập quan hệ với nhau thông qua các thoả thuận trong Hợp đồng, điều lệ các Công ty và các quy chế hoạt động nội bộ.

-
- b. Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Công ty mẹ. Các Công ty con của cùng một Công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.
 - c. Các Công ty con có cùng một Công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

13.5 Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty con:

- a. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty mẹ và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.
- b. Trường hợp Công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
- c. Người quản lý của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm b khoản này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.
- d. Trường hợp Công ty mẹ không đền bù cho Công ty con theo quy định tại điểm b khoản này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của Công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty con đòi Công ty mẹ đền bù thiệt hại cho Công ty con.
- e. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại điểm b khoản này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác của Công ty mẹ thì Công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho Công ty con bị thiệt hại.

13.6 Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con:

- a. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của Pháp luật, Công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - các Công ty con theo quy định.
 - Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty mẹ, Công ty con.
 - Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty mẹ - Công ty con.
- b. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm a khoản này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

-
- c. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con.
 - d. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty mẹ sử dụng báo cáo quy định tại Điều 13.6(c) này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ và Công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do Công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.
 - e. Trường hợp người quản lý Công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ Công ty con thì người quản lý Công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ Công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.
 - f. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty mẹ, các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.
 - g. Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của Pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14: Quyền của cổ đông

- 14.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
- 14.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết

Cổ đông có quyền cử đại diện theo uỷ quyền (bằng văn bản) đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông, tham gia HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty phù hợp quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

Trường hợp, cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng Công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền, ngày đăng ký cổ đông tại Tổng Công ty.
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền.
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện.
- Thời hạn đại diện theo ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện.
- Họ, tên, chữ ký có đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

Tổng Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mới được hợp nhất từ tổ chức cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản pháp lý về hợp nhất hoặc thừa kế để xử lý về cổ phần, cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành.

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3, Điều 127.1 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của Pháp luật có liên quan.
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài.
- e. Xem xét, tra cứu, và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- g. Trong trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông

nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

- h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều 132 Luật doanh nghiệp.
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
 - j. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và việc ủy quyền này chỉ có giá trị cho một lần họp ĐHĐCĐ.
 - k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của Pháp luật;
 - l. Được thông tin về tình hình hoạt động của Tổng Công ty, được yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh (hàng năm) có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bí mật công nghệ sản xuất, chiến lược, chiến dịch marketing, lựa chọn đối tác, khách hàng, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...
 - m. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - n. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 14.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông, có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên HĐQT và Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.2 và Điều 35.2 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115.3 và 140 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ sau mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - d. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm của Tổng Công ty và các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;
 - e. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

- f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp
- g. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

Điều 15: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 15.1 Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- 15.2 Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- 15.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có thay đổi địa chỉ so với lần đăng ký trước cho Tổng Công ty.
- 15.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 15.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm Pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty
- 15.6 Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.
- 15.7 Bảo vệ lợi ích, tài sản, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty, tham gia các công việc chung của Tổng Công ty khi được phân công.
- 15.8 Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác

-
- 15.9 Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại theo quy định tại Điều lệ này hoặc trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông

- 16.1 ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc HĐQT có thể quyết định gia hạn nhưng không quá (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 16.2 HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ của Tổng Công ty
- 16.3 HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn Điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ.
 - c. Số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản để trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên HĐQT hoặc Cán bộ điều hành cấp cao của Tổng Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

-
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

16.4 Trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 16.3(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3(d) và Điều 16.3(e) ở trên. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.
- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4(a) nêu trên, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140.3 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4(b) ở trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 16.3(d) ở trên có quyền thay thế HĐQT và Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140.4 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.
- d. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ: lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp này; các công việc khác phục vụ cuộc họp. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Tổng Công ty trả. Những chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

17.1 ĐHĐCĐ, trong cuộc họp thường niên, có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

-
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát; và
 - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.
- 17.2 ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp thường niên và bất thường, thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
 - c. Số lượng thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát ;
 - f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty.
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty.
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc các Công ty con, hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - m. Tổng Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
 - n. Tổng Công ty hoặc các Công ty con của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản

của Tổng Công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, Ban Kiểm soát;
- p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;
- q. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Ban Kiểm soát;
- r. Các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế khác của Tổng Công ty và quy định của Pháp luật.

17.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 17.2 ở trên nếu cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó và/hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

17.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 18: Các đại diện được ủy quyền

18.1 Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật, hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự thay.

18.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

18.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

-
- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19: Thay đổi các quyền

- 19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 19.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 19.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.
- 19.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ

- 20.1 HĐQT triệu tập cuộc họp thường niên hoặc bất thường của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường của ĐHĐCĐ theo các trường hợp quy định tại Điều 16.3 Điều lệ này.
- 20.2 Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

-
- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 20.3 Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty (website) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Nếu chỉ đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
- 20.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi cho Tổng Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của cổ đông, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 20.5 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 20.4 trong các trường hợp sau đây:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 20.4 ở trên.
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề xuất không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này.
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
 - d. Các trường hợp khác.

-
- 20.6 Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại Điều 20.4 ở trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.5 ở trên; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận

Điều 21: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

- 21.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 21.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.1 ở trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. .
- 21.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 21.2 ở trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 21.4 Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 20.3 của Điều lệ này.

Điều 22: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

- 22.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. . Cuộc họp sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa và nếu Cuộc họp không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.
 - Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại cuộc họp ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự họp sẽ không bị ảnh hưởng.

22.2 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trừ trường hợp quy định tại Điều 22.2(a) ở trên, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
- c. Chủ tọa cử không quá hai (02) thư ký cuộc họp để lập biên bản họp ĐHĐCĐ.
- d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Để hỗ trợ Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ, chủ tọa cuộc họp có thể xin ý kiến cuộc họp cử một số cổ đông có mặt tại cuộc họp hoặc một số nhân viên khác của Tổng Công ty giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu.

22.3 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp

22.4 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

22.5 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

22.6 ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

22.7 Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

-
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- 22.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 22.9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Điều 22.8 ở trên, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 23: Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

- 23.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp.
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
- 23.2 Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại Điều 23.1 ở trên và các Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 148.6 Luật Doanh nghiệp
- 23.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định cụ thể trong Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông báo trên website của Tổng Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.

- 23.4 Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 24: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

- 24.1 HĐQT có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 147.2 Luật doanh nghiệp;

HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

- 24.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty.
- b. Mục đích lấy ý kiến.
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

- 24.3 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

-
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 24.4 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 24.5 Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 24.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
- 24.7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 25: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 25.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký.
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 25.2 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được làm xong và thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 25.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 25.4 Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
Trừ trường hợp quy định tại Điều 23.4 của Điều lệ này

26.2 Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo Quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng bốn mươi (40) ngày kể từ ngày nghị quyết của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

27.1 Số lượng thành viên HĐQT từ năm (05) đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trùng với nhiệm kỳ của HĐQT; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

27.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Trình tự, thủ tục bầu cử HĐQT được thực hiện theo quy chế bầu cử của Tổng Công ty.

Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử viên không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật

27.3 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- g. Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

27.4 Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- c. Không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- d. Không là thành viên HĐQT của quá năm (05) tổ chức kinh doanh khác có ngành nghề kinh doanh liên quan đến Tổng Công ty.

27.5 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.

27.6 Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

27.7 Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

28.1 HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

28.2 Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm và ngân sách hằng năm của Tổng Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
- c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;
- d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 17.2(1), Điều 17.2(n) Điều lệ này;
- f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc hay bất kỳ Cán bộ điều hành cấp cao của Tổng Công ty (Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng Công ty...); quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- g. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mức lương và lợi ích đối với các Giám đốc các đơn vị thành viên phụ thuộc và Trưởng phó phòng ban của Tổng Công ty theo đề xuất của Tổng giám đốc;
- h. Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty. quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

-
- j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng quyền cho phép người sở hữu cổ phiếu theo mức giá định trước phù hợp với Điều lệ này và Pháp luật.
 - k. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi khi được ĐHĐCĐ uỷ quyền.
 - l. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - m. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 12.2 của Điều lệ này;
 - o. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - p. Đề xuất tái cơ cấu lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty.
 - q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;
 - r. Trình ĐHĐCĐ báo cáo hoạt động của mình, báo cáo giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và những Cán bộ điều hành khác, báo cáo về việc quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm tài chính.
 - s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ, triệu tập ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến cổ đông để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
 - t. Đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ khi cần thiết.
 - u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của công ty
 - v. Các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 28.3 HĐQT phải báo cáo cho ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
- 28.4 Trừ khi Pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền nhân viên cấp dưới và các Cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.
- 28.5 Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Các thành viên HĐQT được nhận thù lao công

việc của mình và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT (và số thù lao cho từng thành viên) bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

- 28.6 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 28.7 Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
- 28.8 Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT

- 29.1 Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT và có thể bầu một người làm Phó Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
- 29.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT:
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

-
- e. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; Thay mặt HĐQT ký các văn bản, quy định, các hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua.
 - f. Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
 - g. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ; Kiến nghị với HĐQT về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
 - h. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến HĐQT để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 12 (mười hai) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó.
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- 29.3 Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt vì các lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và đã thông báo đến HĐQT về những sự kiện này, thì Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT;
- 29.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đồng thời đều vắng mặt hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ thì người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT;
- 29.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Tổng Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

Điều 30: Các cuộc họp của HĐQT

- 30.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số;
- 30.2 Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ lúc nào khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch HĐQT

-
- lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.
- 30.3 Cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (5) Cán bộ điều hành khác.
 - Từ hai (02) thành viên HĐQT trở lên.
 - Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
 - Ban Kiểm soát.
- 30.4 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 30.3 ở trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp tại Điều 30.3 ở trên có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT;
- 30.5 Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 30.6 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo và tài liệu họp phải gửi cho các thành viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã đăng ký tại Tổng Công ty.
- 30.7 Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 30.8 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) tham dự.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ

-
- nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.
- 30.9 Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 30.11 dưới đây;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng Công ty.
- 30.10 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 30.11 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- 30.12 Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT mà bằng cách này hay cách khác; trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. Việc kê khai được thực hiện theo Điều 164 Luật doanh nghiệp.
- 30.13 Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và quyết định phải được đa số thành viên dự họp chấp thuận (trên 50%); trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau; phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT sẽ là phiếu quyết định.
- 30.14 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết và quyết định của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn một (01) giờ trước thời gian dự kiến họp.
- 30.15 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

-
- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên HĐQT tham gia họp trong cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện được coi là địa điểm họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

- 30.16 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- 30.17 Biên bản cuộc họp: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của Biên bản cuộc họp phải đảm bảo các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 158.1 Luật doanh nghiệp.

- 30.18 Những người được mời tham dự họp: Tổng giám đốc, những Cán bộ điều hành khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

- 30.19 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban do HĐQT quy định.

- 30.20 Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý.

Điều 31: Thường trực HĐQT và các tiểu ban của HĐQT

31.1 Thường trực HĐQT

- a. Thường trực HĐQT là cơ quan thường trực của HĐQT, gồm ít nhất ba (03) thành viên do HĐQT cử ra để thay mặt HĐQT giải quyết và phê

duyet một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các kỳ họp chính thức của HĐQT.

- b. Thường trực HĐQT thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được HĐQT giao hoặc ủy quyền. Thường trực HĐQT có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.
- 31.2 HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa số thành viên của tiểu ban. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty

31.3 Tiểu ban chiến lược và đầu tư

- a. Tiểu ban chiến lược và đầu tư gồm ít nhất 03 thành viên được bổ nhiệm bởi nghị quyết HĐQT tại cuộc họp HĐQT, phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- b. Tiểu ban chiến lược và đầu tư có thể bao gồm Giám đốc tài chính, những thành viên HĐQT điều hành khác và những thành viên HĐQT có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn sâu rộng trong ngành về đầu tư tài chính.
- c. Chức năng và nhiệm vụ chính:
- Xây dựng chiến lược thường niên, chiến lược trung đến dài hạn của Tổng Công ty;
 - Thiết lập các chiến lược kinh doanh trọng yếu;
 - Thiết lập và phát triển mối quan hệ với các đối tác chiến lược;
 - Đề xuất các vấn đề liên quan đến tầm nhìn, sứ mệnh, các sáng kiến chiến lược, các chương trình dịch vụ chủ chốt của Tổng Công ty;
 - Thường xuyên đánh giá tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược để đề xuất những thay đổi cần thiết cho HĐQT;
 - Xây dựng chỉ tiêu để đánh giá những dự án đầu tư chiến lược tiềm năng;

-
- Rà soát để kiểm tra tính hợp lý của quy tắc, hướng dẫn đầu tư của Tổng Công ty;
 - Giám sát thực hiện đầu tư, đảm bảo tính tuân thủ của quy trình và quy định về đầu tư của Tổng Công ty;
 - Kiểm tra và đề xuất lên HĐQT về chính sách và chiến lược đầu tư cho Tổng Công ty;
 - Giám sát những rủi ro đầu tư liên quan, bao gồm những rủi ro liên quan tới danh mục đầu tư, chính sách đầu tư... của Tổng Công ty;
 - Giám sát chức năng đầu tư và đảm bảo phân bổ đủ nguồn lực để thực hiện chức năng đầu tư.

31.4 Tiêu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm

- a. Tiêu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm được thiết lập với mục đích nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình lựa chọn thành viên mới của HĐQT cũng như hiệu quả trong quá trình đánh giá HĐQT, các tiêu ban trực thuộc HĐQT, các thành viên Ban điều hành và các Quản lý cấp cao khác.
- b. Tiêu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm nên được bổ nhiệm bởi HĐQT và bao gồm ít nhất ba (03) thành viên là các thành viên không điều hành của HĐQT. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban.
- c. Chức năng và nhiệm vụ chính:
 - Đề xuất chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các thành viên HĐQT, bộ máy quản lý đề trình HĐQT hoặc góp ý đối với bản đề xuất về chính sách lương thưởng do HĐQT đưa ra và soát xét sự phù hợp với từng thời kỳ;
 - Đề cử ứng viên tiềm năng cho các vị trí trong HĐQT;
 - Soạn thảo bản đề xuất về định mức lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và Bộ máy quản lý và đưa ra khuyến nghị liên quan tới nhưng thay đổi cần thiết để trình lên ĐHĐCĐ trong kỳ cuộc họp tiếp theo;

31.5 Tiêu ban rủi ro và kiểm toán

- a. Các thành viên HĐQT không điều hành sẽ được HĐQT cân nhắc chiếm đa số trong Tiêu ban rủi ro và kiểm toán. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban. HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiêu ban rủi ro và kiểm toán là chuyên gia về kế toán tài chính và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Tổng Công ty;
- b. Đánh giá tính độc lập của kiểm toán độc lập; Giám sát chức năng kiểm toán độc lập; Rà soát những điều kiện có thể dẫn đến việc miễn nhiệm kiểm toán độc lập và đề xuất ý kiến trong những trường hợp tương tự;

-
- c. Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn bị các báo cáo tài chính. Xem xét các vấn đề trọng yếu và các đánh giá trong việc báo cáo tài chính để đảm bảo tính đầy đủ của các báo cáo tài chính và các công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng Công ty. Xem xét phạm vi và kết quả của kiểm toán và tính hiệu quả về mặt chi phí;
 - d. Giám sát công tác quản trị rủi ro của Tổng Công ty; xem xét tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ;
 - e. Giám sát tính liên chính của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty, sự tuân thủ các quy định Pháp luật của Tổng Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ;
 - f. Phân tích và đưa ra các đề xuất cho HĐQT về rủi ro liên quan đến các giao dịch và hoạt động của Tổng Công ty;
- 31.6 Tiểu ban nghiên cứu và phát triển
- a. Số lượng thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định nhưng phải đảm bảo tối thiểu 03 thành viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty;
 - b. Hỗ trợ HĐQT trong việc rà soát các chương trình và sáng kiến nghiên cứu và phát triển hiện tại và trên kế hoạch của Tổng Công ty trên quan điểm khoa học, đưa ra các phản hồi/nhận xét về công tác quản lý các sáng kiến và các chương trình nghiên cứu và phát triển. Liên tục đưa ra các nhận xét và khuyến nghị chiến lược lên HĐQT;
 - c. Phát hiện và thảo luận với HĐQT về các vấn đề, các xu hướng liên quan tới khoa học cũng như so sánh các chương trình, hoạt động nghiên cứu và phát triển của Tổng Công ty so với các đối thủ cạnh tranh;
- 31.7 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của ĐHĐCĐ.
- 31.8 HĐQT có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại Điều 31.3, Điều 31.4, Điều 31.5 và Điều 31.6 ở trên được quyền hành động và ra quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 31.9 HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Chức năng cụ thể của thường trực HĐQT và các tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được xác định trong quyết định thành lập của HĐQT tại từng thời điểm;
- 31.10 HĐQT có trách nhiệm soạn thảo và ban hành Cẩm nang hoạt động của HĐQT để quy định chi tiết chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, thường trực HĐQT và các tiểu ban của HĐQT.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,

CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý

- 32.1 Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- 32.2 Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33: Cán bộ điều hành

- 33.1 Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty được tuyển dụng Cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Cán bộ điều hành phải có năng lực, tâm huyết, trung thực và trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 33.2 Mức lương, thưởng, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định. Mức lương và lợi ích khác của những Cán bộ điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến hoặc đề xuất của Tổng giám đốc. Mức lương và lợi ích khác của các Cán bộ điều hành khác không do HĐQT bổ nhiệm do Tổng giám đốc quyết định.
- 33.3 Tiền lương của Cán bộ điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên

Điều 34: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

- 34.1 Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng (nếu có). Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao
- 34.2 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc phải có những tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Điều 162.5 Luật doanh nghiệp.

-
- b. Có sức khoẻ đủ để thực hiện nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đạo đức tốt;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất ba (03) năm trong quản trị doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty.
 - d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành Pháp luật.

34.3 Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- c. Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo thẩm quyền đã ủy quyền hoặc phân cấp và quy định của Pháp luật. Tổ chức và điều hành tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc Cán bộ điều hành trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả Cán bộ điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.
- g. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng lao động, ký kết hợp đồng lao động, mức lương, thù lao, các lợi ích, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.
- h. Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp

ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp và kế hoạch tài chính năm (05) năm.

- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty.
- k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.
- l. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát biết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.
- m. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo các quy định của Pháp luật và theo phân cấp của HĐQT.
- n. Báo cáo tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại các cuộc họp HĐQT; đề nghị HĐQT giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình.
- o. Thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của Pháp luật và phân cấp của HĐQT.
- p. Xây dựng các quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT quy định tại Điều lệ này và Quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trình HĐQT phê duyệt. Xây dựng, phê duyệt và ban hành các quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty, trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban kiểm soát..
- q. Chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn thất do hành vi vi phạm quy trình quản lý điều hành Tổng Công ty do mình gây ra.

-
- r. Đại diện cho Tổng Công ty khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi tài sản của Tổng Công ty theo Nghị quyết của HĐQT.
 - s. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.
 - t. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT thì vẫn được tham dự các phiên họp HĐQT nhưng không được biểu quyết và bỏ phiếu.
 - u. Tổng giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành Tổng Công ty hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý đối với uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về những công việc của mình làm. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu của Tổng Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.
 - v. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 34.4 Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
- 34.5 Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật, khi có quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trường hợp Tổng giám đốc là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 35: Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- 35.1 HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp.
- 35.2 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- 35.3 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

-
- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Thành viên Ban Kiểm soát

- 36.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- 36.2 Các thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 36.3 Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm, nhiệm vụ sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát.
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty để báo cáo Ban Kiểm soát.
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.

36.4 Các thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.

36.5 Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 36.2 ở trên;
- b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng Công ty.

36.6 Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty; và
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 37: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

37.1 Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật doanh nghiệp và có các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp với công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết.
- c. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty
- d. Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- e. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
- f. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác của Tổng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản

cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- g. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
- h. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông.
- i. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- j. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
- k. Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- l. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- m. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động của Tổng Công ty.
- n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.
- o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.
- p. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- q. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và

không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

- r. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- s. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Tổng Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.
- t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

37.2 Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát:

- a. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- b. Thực hiện các quyền - nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.
- c. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

37.3 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 37.2 ở trên mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường nếu có thiệt hại thực tế xảy ra.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 37.2 ở trên đều thuộc sở hữu của Tổng Công ty

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

37.4 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

Điều 38: Cuộc họp của Ban Kiểm soát

38.1 Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp

Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

- 38.2 Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 39.1 Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- 39.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
- 39.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 40: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 40.1 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 40.2 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.
- 40.3 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận,

-
- Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 40.4 Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 40.5 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 40.6 Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
- Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41: Công khai các lợi ích liên quan

- 41.1 Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 4.46 của Luật chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty
- 41.2 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp của Tổng Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng Công ty, bao gồm:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

-
- b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
- 41.3 Việc kê khai quy định tại Điều 41.2 ở trên phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 41.4 Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Tổng Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng Công ty.
- c. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết;
- d. Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điều 41.4(c) ở trên tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty
- 41.5 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Điều 42: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 42.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- 42.2 Tổng Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 42.3 Những chi phí được bồi thường bao gồm: chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 43.1 Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
- a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.
- 43.2 Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 43.3 Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 43.4 Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật

tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

- 43.5 Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY

Điều 44: Công nhân viên và công đoàn

- 44.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ điều hành và người lao động
- 44.2 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45: Phân phối lợi nhuận

- 45.1 ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty
- 45.2 Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 45.3 HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 45.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 45.5 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Tổng Công ty chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần chi trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ

phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, thì mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ trong giai đoạn chi trả cổ tức.

- 45.6 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn
- 45.7 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Tổng Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
- 45.8 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46: Tài khoản ngân hàng

- 46.1 Tổng Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 46.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết Tổng Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
- 46.3 Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 47: Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ

- 47.1 Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- 47.2 Các quỹ khác do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định.

47.3 HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

Điều 48: Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

Điều 49: Chế độ kế toán

- 49.1 Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- 49.2 Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.
- 49.3 Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 50: Báo cáo năm, bán niên và quý

- 50.1 Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. .
- 50.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.
- 50.3 Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51: Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52: Kiểm toán

- 52.1 ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định

lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

- 52.2 Báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.
- 52.3 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 53: Con dấu

- 53.1 Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
- 53.2 HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có);
- 53.3 HĐQT, Tổng giám đốc Tổng Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54: Chấm dứt hoạt động

- 54.1 Tổng Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác
 - d. Tòa án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.
 - e. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

-
- 54.2 Việc giải thể Tổng Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
- 54.3 Trường hợp Tổng Công ty lâm vào tình trạng phá sản sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 55: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Trừ khi Pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số căn cứ sau:

- 55.1 Trường hợp các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT có thể hoạt động.
- 55.2 Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- 55.3 Có sự bất đồng nội bộ dẫn đến sự chia rẽ trong các cổ đông mà giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông, thì các cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông có quyền đệ đơn ra toà án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Việc đệ đơn ra toà này độc lập với quá trình khởi kiện nêu tại Điều 55.2 ở trên.
- 55.4 Trường hợp có tình trạng nêu tại Điều 55.1 ở trên mà tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ không thể giải quyết được, cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có thể nhân danh mình hoặc nhân danh Tổng Công ty khởi kiện thành viên HĐQT theo họ bị coi là có lỗi dẫn đến tình trạng bế tắc nêu trên ra Toà án vì đã vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty theo Điều 165 của Luật doanh nghiệp.

Điều 56: Thanh lý

- 56.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
- 56.1 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 56.2 Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý.

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc hoặc mất việc (nếu có), bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký.
- c. Nợ thuế.
- d. Các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản từ điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 57.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, các quy định Pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa, giữa: (i) Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc (ii) Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ điều hành, thì các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:
- a. Nếu tranh chấp không liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
 - b. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.
- 57.2 Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết.
- 57.3 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 58.1 Trừ những nội dung về trụ sở chính và ngành nghề kinh doanh và việc điều chỉnh vốn điều lệ do chào bán cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Tổng Công ty đã uỷ quyền cho HĐQT, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

-
- 58.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59: Ngày hiệu lực

- 59.1 Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 59 Điều đã được cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ thông qua ngày __ tháng __ năm 2021 tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ thông qua và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.
- 59.2 Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- a. 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định.
 - b. 09 (chín) bản lưu trữ tại trụ sở chính Tổng Công ty.
- 59.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA
THỌ**

CHỦ TỊCH HĐQT

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
(Ban hành theo Quyết định số.....ngày.....
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ)

MỤC LỤC

<u>PHẦN MỞ ĐẦU</u>	82
<u>CHƯƠNG I</u>	82
<u>QUY ĐỊNH CHUNG</u>	82
<u>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</u>	<u>82</u>
<u>Điều 2. Giải thích từ ngữ</u>	<u>82</u>
<u>CHƯƠNG II</u>	84
<u>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	84
<u>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</u>	<u>84</u>
<u>Điều 4. Điều lệ Tổng công ty</u>	<u>86</u>
<u>Điều 5. Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>86</u>
<u>Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>86</u>
<u>Điều 7. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường</u>	<u>86</u>
<u>Điều 8. Thẻ thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>89</u>
<u>Điều 9. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>89</u>
<u>Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>90</u>
<u>Điều 11. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>90</u>
<u>Điều 12. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>91</u>
<u>Điều 13. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>91</u>
<u>Điều 14. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>	<u>92</u>
<u>Điều 15. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>94</u>
<u>Điều 16. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>94</u>
<u>Điều 17. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông, Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>	<u>95</u>
<u>CHƯƠNG III</u>	95
<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	95
<u>Điều 18. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị</u>	<u>95</u>
<u>Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</u>	<u>96</u>
<u>Điều 20. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</u> . 96	
<u>Điều 21. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị</u>	<u>97</u>
<u>Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</u>	<u>97</u>
<u>Điều 23. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u>	<u>98</u>
<u>Điều 24. Họp Hội đồng quản trị</u>	<u>98</u>
<u>Điều 25. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty</u>	<u>98</u>
<u>Điều 26. Thù lao của Hội đồng quản trị</u>	<u>99</u>
<u>CHƯƠNG IV</u>	99

<u>BAN KIỂM SOÁT</u>	99
<u>Điều 27. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Tổng công ty</u>	99
<u>Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát</u>	100
<u>Điều 29. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u>	100
<u>Điều 30. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát</u>	101
<u>Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	101
<u>Điều 32. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát</u>	102
<u>Điều 33. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</u>	103
<u>CHƯƠNG V</u>	103
<u>BAN ĐIỀU HÀNH</u>	103
<u>Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị Tổng công ty</u>	103
<u>Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban điều hành</u>	103
<u>Điều 36. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành</u>	103
<u>Điều 37. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc</u>	103
<u>Điều 38. Người quản lý khác của Tổng công ty và vai trò trong quản trị Tổng công ty</u>	104
<u>Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm người quản lý khác của Tổng công ty</u>	105
<u>Điều 40. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý khác của Tổng công ty</u>	105
<u>CHƯƠNG VII</u>	106
<u>PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</u>	106
<u>Điều 41. Nguyên tắc phối hợp</u>	106
<u>Điều 42. ... Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý Tổng công ty</u>	106
<u>Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</u>	107
<u>Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty</u>	107
<u>CHƯƠNG VIII</u>	108
<u>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY</u>	108
<u>Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác</u>	108
<u>Điều 46. Giao dịch với người có liên quan</u>	109
<u>Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</u>	109
<u>Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty</u>	110

<u>CHƯƠNG IX</u>	110
<u>BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</u>	110
<u>Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin</u>	110
<u>Điều 50. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng công ty</u>	111
<u>Điều 51. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Tổng công ty</u>	111
<u>Điều 52. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</u>	111
<u>Điều 53. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u>	111
<u>Điều 54. Tổ chức công bố thông tin</u>	111
<u>CHƯƠNG X</u>	111
<u>XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC</u>	111
<u>Điều 55. Xử lý vi phạm</u>	111
<u>Điều 56. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung</u>	112

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế quản trị Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ là những cơ chế, quy định thông qua đó Tổng công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất. Quy chế quản trị Tổng công ty tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Tổng công ty. Đồng thời, các nguyên tắc quản trị Tổng công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định trong Tổng công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Tổng công ty. ***Mục tiêu lớn nhất của Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.***

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ (“**Quy chế**”) bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông của Tổng công ty và những người liên quan.

Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- a. “Tổng công ty” : là Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ;
- b. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được quy định trong Điều lệ của Tổng Công ty.
- c. “Người quản lý khác” của Tổng công ty bao gồm: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng.Ban điều hành” gồm có Tổng giám đốc,

các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc điều hành được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn.

- d. “Cán bộ điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;
- e. “Quản trị Tổng công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:
 - i. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - ii. Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;
 - iii. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - iv. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi và trách nhiệm liên quan đến Tổng công ty;
 - v. Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
 - vi. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.
- f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - i. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - ii. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - iv. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - v. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - vi. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - vii. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - viii.1. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

- vii2. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
- vii3. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư góp vốn, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
- vii4. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
- vii5. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- vii6. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm vii1; vii2 và vii3 khoản này;
- vii7. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm vii1; vii2; vii3; vii4; vii5; và vii6 khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 3.1 Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt là:
- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Tổng công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tổng công ty do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở

hữu cổ phần trong Tổng công ty.

3.2 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Tổng công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc phải đền bù cho Tổng công ty theo trách nhiệm của mình.

3.3 Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
- b. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- c. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có thay đổi địa chỉ so với lần đăng ký trước cho Tổng công ty.
- d. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - e. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật.
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.
- f. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
- g. Bảo vệ lợi ích, tài sản, bí mật kinh doanh của Tổng công ty, tham gia các công việc chung của Tổng công ty khi được phân công.
- h. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác
- i. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại theo quy định tại Điều lệ này hoặc trường hợp Tổng công ty bị giải thể hoặc phá sản. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Điều lệ Tổng công ty

- 4.1 Tổng công ty phải xây dựng Điều lệ Tổng công ty phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 4.2 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty phải được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua.

Đại hội đồng cổ đông

- 5.1 Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp thường niên và cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 5.2 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 5.3 Quyền và nghĩa vụ, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1 Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

- 6.2 Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định của Điều lệ Tổng công ty.

Thủ tục và trình tự tiến hành họp thường niên, bất thường của Đại hội đồng cổ đông

- 7.1 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị triệu tập họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - i. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - ii. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

-
- iii. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - iv. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - v. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- b) Trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điều 7.1(a)(ii) hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định Điều 7.1(a)(iii) và Điều 7.1(a)(iv). Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
- c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7.2 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp 2020. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
- d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7.3 này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
- 7.2 Thông báo về việc lập và chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- Hồ sơ thông báo thực hiện quyền (gồm Thông báo thực hiện quyền theo mẫu 07/THQ và các tài liệu kèm theo như quy định tại Điều 9.2.2 của Quyết định 02/QĐ-VSD về việc ban hành quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán) phải được gửi đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tối thiểu tám (08) ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 7.3 Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
- Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách, Tổng công ty gửi Thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, giấy uỷ quyền, được gửi ít nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) đến các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty . Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo

cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Tổng công ty. Ngoài ra, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cũng sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Nếu thông báo họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

7.4 Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Để tạo điều kiện thuận lợi Ban tổ chức do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết,... nhằm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đạt một kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gửi Thông báo kèm theo mẫu đăng ký tham dự cuộc họp đến các cổ đông. Các cổ đông gửi đăng ký tham dự cuộc họp về Ban tổ chức trước ngày họp ít nhất một (01) ngày. Nội dung đăng ký phải nêu rõ Tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.
- b. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Tổng công ty hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

7.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất trong các trường hợp sau: Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Điều 7.5 ở trên; vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông; vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

7.7 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7.7.a ở trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

-
- c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7.7.b ở trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Thế thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đông

- 8.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 22.1 Điều lệ Tổng công ty.
- 8.2 Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu;
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b. Trừ trường hợp quy định tại Điều 8.2(a) ở trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố;
- c. Chủ tọa cử không quá hai (02) thư ký cuộc họp. Thư ký có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- d. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba (03) người. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Đại hội đồng cổ đông phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của chủ tọa cuộc họp và chủ tọa có thể xin ý kiến đại hội cử một số cổ đông có mặt tại cuộc họp hoặc một số nhân viên khác của Tổng công ty giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu.
- 8.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 8.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng... trình bày các Báo cáo, Tờ trình từng vấn đề cần được biểu quyết trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.
- 8.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 9.1 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.

-
- 9.2 Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông được phát một “Thẻ biểu quyết” do Tổng công ty phát hành trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 9.3 Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
- 9.4 Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không có ý kiến và được chủ tọa công bố ngay sau mỗi vấn đề tiến hành biểu quyết.
- 9.5 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 9.6 Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 10.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 10.2 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
 - b) Định hướng phát triển Tổng công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

- 11.1 Việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng phiếu bầu cử.
- 11.2 Nguyên tắc bầu cử:
- a. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và đảm bảo dân chủ, công bằng.
 - b. Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.
- 11.3 Cách thức bầu cử: việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần

tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Những ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là những ứng cử viên:

- a. Đạt được số phiếu hợp lệ nhiều hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định;
- b. Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu cử hợp lệ theo nguyên tắc trên, theo thứ tự từ trên xuống nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu thấp nhất bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó.

11.4 Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm phiếu cho cổ đông được biết.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

12.1 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo ra công chúng theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm.

- a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Tổng Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; và các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 146.6 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Trừ trường hợp trên và các trường hợp quy định tại Điều 148.3, Điều 148.4 và Điều 146.6 của Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

13.1 Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
- d. Họ, tên chủ tọa và Thư ký.

-
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 13.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 13.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 13.4 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 13.5 Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc, đồng thời, phải được lưu giữ các tài liệu này tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- 14.1 Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- 14.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- 14.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- h. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

-
- i. Mục đích lấy ý kiến.
 - j. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - k. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - l. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - m. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - n. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
- 14.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.;
- 14.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- g. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - h. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - i. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - j. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề.
 - k. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - l. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

-
- phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 14.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 14.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- 14.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 163.3 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị
- e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- f. Kết quả giám sát đối với các Cán bộ điều hành khác;
- g. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;

-
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch
 - e. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác của Tổng công ty;
 - f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các cổ đông.
 - g. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - h. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông cũng như lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được Tổng công ty chi trả. Các cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tự chịu các chi phí, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị

- 18.1 Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này và được Đại hội đồng cổ đông bầu để quản lý Tổng công ty.
- 18.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không ít hơn năm (05) người và không nhiều hơn mười một (11) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 18.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- 18.4 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 18.5 Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm đề ra định hướng và chiến lược kinh doanh phát triển của toàn công ty trong năm và dài hạn để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; quản lý hoạt động của Ban điều hành theo đúng các quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
- 18.6 Hội đồng quản trị thành lập các ban và tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm Tiểu ban Thư ký, Tiểu ban Tư vấn pháp lý, Tiểu ban Tư vấn công

nghệ, nhân lực, thị trường Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban được thực hiện như sau:

- a. Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các Tiểu ban trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Tiểu ban.
- b. Một Tiểu ban phải có tối thiểu ba (03) thành viên bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.
- c. Hội đồng quản trị, khi thành lập các Tiểu ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Tiểu ban.
- d. Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban phù hợp với quy chế làm việc của Tiểu ban do Hội đồng quản trị ban hành.
- e. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban

Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
- c. Không là thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) tổ chức kinh doanh khác có ngành nghề kinh doanh liên quan đến Tổng Công ty.

Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 20.1 Cổ công hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 20.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật.
- 20.3 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười(10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

-
- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

20.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo thủ tục bầu cử tại Điều 11.3 Quy chế quản trị nội bộ này.

20.5 Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

22.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng công ty.

22.2 Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tổng công ty.

22.3 Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

22.4 Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Tổng công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.

22.5 Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

22.6 Tổng công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 23.1 Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan của Tổng công ty.
- 23.2 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.
- 23.3 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
- 23.4 Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
- 23.5 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác.
- 23.6 Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Họp Hội đồng quản trị

- 24.1 Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 24.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ và công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- 25.1 Để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp
- 25.2 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 25.3 Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp
 - e. Làm biên bản các cuộc họp;

-
- f. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - h. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - j. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Thù lao của Hội đồng quản trị

- 26.1 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên và công bố rõ ràng cho cổ đông.
- 26.2 Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 26.3 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Tổng công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
- 26.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 26.5 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Tổng công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Tổng công ty

- 27.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là ba (03) thành viên.
- 27.2 Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- 27.3 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
- 27.4 Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty đối với Hội đồng quản trị,

Ban tổng giám đốc và Cán bộ điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- 27.5 Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

28.1 Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 17.2 Luật doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác;
- d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
- e. Thường trú tại Việt Nam
- f. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty.
- g. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

28.2. Tiêu chuẩn trưởng Ban kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 29.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- 29.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật

29.3 Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy mươi(10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
- Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);
- Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Các ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

29.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo thủ tục bầu cử tại Điều 11.3 Quy chế này.

29.5 Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36.6 và 36.7 Điều lệ Tổng công ty.

Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

30.1 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải cung cấp các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

30.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

30.3 Tổng công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

31.1 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Tổng

-
- công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác của Tổng công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.
- 31.2 Ban kiểm soát họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
- 31.3 Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc, thành viên Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.
- 31.4 Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
- 31.5 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 31.6 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát

- 32.1 Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát
- 32.2 Cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- 32.3 Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.
- 32.4 Trong trường hợp cần thiết, Trưởng ban kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG V

BAN ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị Tổng công ty

- 34.1 Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, [Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc không quá (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 34.2 Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 34.3 Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành là người giúp việc của Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo phân công của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
- 34.4 Tổng giám đốc phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định tại Quy chế này.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban điều hành

- 35.1 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Giám đốc điều hành không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
- 35.2 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Giám đốc điều hành không được đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

- 36.1 Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất của các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- 36.2 Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm các Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc và đánh giá của Hội đồng quản trị.
- 36.3 Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban điều hành.

Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc

- 37.1 Quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc
- a. Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản trị phân cấp, Tổng giám đốc được toàn quyền ra các quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Tổng công ty không ngừng phát

triển bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong từng thời kỳ.

- b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có tính hiệu quả cao nhất đối với mọi cán bộ trong Tổng công ty, trừ các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
- c. Các Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.

37.2 Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành

- a. Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Tổng giám đốc phân cấp, Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành được quyền thay mặt Tổng giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo mảng việc mà mình được Tổng giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của Tổng công ty trong từng thời kỳ.
- b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành có giá trị hiệu lực đối với Người quản lý khác và các cá nhân có liên quan trong Tổng công ty tương tự như quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.
- c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc được quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành do các Phó tổng giám đốc ban hành.

37.3 Báo cáo

- a. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ và khi yêu cầu theo quy định trong từng thời kỳ.
- b. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc có liên quan đến các mảng lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ mới đều phải được gửi một (01) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo trước khi thực hiện.
- c. Các Phó tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi nghiệp vụ được phân công.

CHƯƠNG VI

NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Người quản lý khác của Tổng công ty và vai trò trong quản trị Tổng công ty

- 38.1 Người quản lý khác của Tổng công ty bao gồm: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng.

-
- 38.2 Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, lợi ích khác cho Người quản lý khác của Tổng Công ty tùy theo thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.
- 38.3 Người quản lý khác của Tổng công ty có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của bộ phận/đơn vị do mình phụ trách theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm người quản lý khác của Tổng công ty

- 39.1 Người quản lý khác của Tổng công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành.
 - c. Được tin nhiệm trong cương vị công tác.
 - d. Không thuộc đối tượng không được làm Cán bộ điều hành lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật.
 - e. Có bằng đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có ít nhất mười (10) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty.
 - f. Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - g. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.
- 39.2 Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chuẩn nêu trên để tuyển người có năng lực, trình độ vào làm Người quản lý khác của Tổng công ty.

Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý khác của Tổng công ty

- 40.1 Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý khác của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và/hoặc thành viên Hội đồng quản trị.
- 40.2 Tổng Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý khác của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc trên cơ sở đề xuất của Chánh Văn phòng Tổng Công ty.
- 40.3 Trong trường hợp Tổng giám đốc không đề xuất hoặc có đề xuất, nhưng xét thấy cần thiết và phục vụ cho lợi ích chung của Tổng công ty, Hội đồng quản trị có quyền xem xét và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý khác của Tổng công ty.
- 40.4 Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Tổng công ty;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Tổng công ty.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có)

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý Tổng công ty

- 42.1 Phối hợp trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí...
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện thay mặt Tổng công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty)... Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc nắm bắt đầy đủ nội dung.
 - b. Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.
 - c. Các phòng/ban có liên quan chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.
- 42.2 Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ được giao
- a. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó tổng giám đốc hoặc Người quản lý khác của Tổng công ty phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).
 - b. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.

-
- c. Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty thực hiện báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu theo quy định của Tổng công ty đầy đủ và đúng thời hạn.
 - d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và các Người quản lý khác của Tổng công ty cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

42.3 Phối hợp khác

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc, Người quản lý khác của Tổng công ty tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Tổng công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc và Người quản lý khác của Tổng công ty không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- 43.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
- 43.2 Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 43.3 Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các nghị quyết, thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.
- 43.4 Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, và các thành viên Ban Kiểm soát theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty

44.1 Phối hợp trong triển khai công việc được giao

- a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý khác có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Sau khi cuộc họp kết thúc, Ban điều hành và Người quản lý khác gửi cho Ban kiểm soát một (01) biên bản họp để lưu giữ.
- b. Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty, Trưởng phòng/ban Tổng công ty thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát.
- c. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, Ban điều hành và Người quản lý khác

của Tổng công ty cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

- d. Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

44.2 Phối hợp khác

Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ về kế toán, kiểm toán, quản lý nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và quản trị công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY

Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác

- 45.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 45.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.
- 45.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và Cán bộ điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 45.4 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 45.5 Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 45.6 Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội

đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Giao dịch với người có liên quan

- 46.1 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
- 46.2 Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.
- 46.3 Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty. Tổng công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

- 47.1 Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
- 47.2 Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
- 47.3 Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
- a. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
- b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 47.4 Tổng công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

-
- a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác mà Tổng công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp;
- c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- 47.5 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty

- 48.1 Tổng công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
- 48.2 Tổng công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nghĩa vụ công bố thông tin

- 48.1 Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
- 48.2 Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công

bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng công ty

Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Tổng công ty

- 51.1 Tổng công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 51.2. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- b. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó người liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Tổ chức công bố thông tin

- 54.1. Tổng công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- 54.2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:
- a. Công bố các thông tin của Tổng công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

CHƯƠNG X

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC

Xử lý vi phạm

- 55.1 Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Tổng công ty (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này,

người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát.

Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người quản lý khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

- 55.2 Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Tổng công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 56.1 Quy chế này có 10 chương và 56 điều.
- 56.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.
- 56.3 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 56.4 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
- 56.5 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Cán bộ điều hành khác và các cán bộ, nhân viên Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ..... ngày ... tháng ... năm của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ)

Tháng ____ năm 2021

MỤC LỤC

Contents

<u>Chương I</u>	117
<u>GIẢI THÍCH TỪ NGỮ</u>	117
<u>Điều 1 - Định nghĩa</u>	117
<u>Chương II</u>	118
<u>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</u>	118
<u>Điều 2 - Phạm vi điều chỉnh</u>	118
<u>Điều 3 - Đối tượng áp dụng</u>	118
<u>CHƯƠNG II</u>	118
<u>TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA</u>	118
<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	118
<u>Điều 4 - Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị</u>	118
<u>Điều 5 - Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị</u>	118
<u>Điều 6 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh</u>	120
<u>Điều 7- Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong kiện toàn tổ chức Tổng Công ty</u>	120
<u>Điều 8 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty</u>	121
<u>Điều 9 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng và các văn bản về quản lý Tổng Công ty</u>	122
<u>Điều 10 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và những vấn đề khác</u>	124
<u>Điều 11- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</u>	124
<u>Chương III</u>	125
<u>TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>	125
<u>Điều 12- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</u>	125
<u>Điều 13 - Cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u>	125
<u>Điều 14 - Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</u>	127
<u>Điều 15- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</u>	128
<u>Điều 17- Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>	130
<u>Điều 18- Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</u>	131
<u>Điều 19- Các cuộc họp Hội đồng quản trị</u>	133
<u>Điều 20 - Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị</u>	135
<u>Điều 21 – Trình báo cáo hằng năm</u>	138

Điều 22- Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị	139
Điều 23 - Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị	139
Chương IV	141
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG TỔNG CÔNG TY .	141
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	141
Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành	141
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	141
Chương V	142
MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY/NGƯỜI QUẢN LÝ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY	142
Điều 27- Nguyên tắc quản lý đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty	142
Điều 28- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty	143
Điều 29- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước của Tổng Công ty	144
Chương VI	144
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	144
Điều 30- Hiệu lực thi hành	144
Điều 31- Bổ sung, sửa đổi	144

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty được thông qua theo Nghị quyết số [@] của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày [@] tháng [@] năm 2021.
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được thông qua theo Nghị quyết số [@] của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày [@] tháng [@] năm 2021.

DỰ THẢO
Chương I
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1 - Định nghĩa

Trong phạm vi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ này (sau đây gọi là “**Quy chế**”), trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Tổng Công ty:** là Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ
- 1.2. **Cán bộ điều hành:** có nghĩa là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên.
- 1.3. **Người có liên quan:** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán;
- 1.4. **Hội đồng quản trị:** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty, viết tắt là “HDQT”.
- 1.5. **Công ty mẹ:** Có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ trong mối quan hệ với Công ty con như quy định ở Điều 1.6 dưới đây.
- 1.6. **Công ty con:** Một công ty được coi là công ty con của Tổng Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;
 - b. Tổng Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - c. Tổng Công ty có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- 1.7. **Các công ty có vốn góp của Tổng Công ty:** là các công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty là thành viên, là cổ đông, là một bên liên doanh nhưng các công ty này lại không đủ điều kiện là Công ty con, theo định nghĩa tại Điều 1.6 ở trên.
- 1.8. **Điều lệ Tổng Công ty:** Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày [@] tháng [@] năm 2021, bao gồm XXI chương 59 điều.
- 1.9. **Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc:** Các phòng, ban chức năng, các chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc Tổng Công ty.

DỰ THẢO

- 1.10. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.
- 1.11. **Luật Chứng khoán:** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2 - Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3 - Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4 - Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị Tổng Công ty được quy định như sau:

- 4.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại **Điều 17** Điều lệ của Tổng Công ty;
- 4.2. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị ban hành Quy chế này nhằm cụ thể hoá quyền và nghĩa vụ, chế độ phân công, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị;
- 4.3. Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung Quy chế này phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

Điều 5 - Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ và quyền hạn trong quản lý chung của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- 5.1. Thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Tổng Công ty, giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban/Đơn

DỰ THẢO

vị trực thuộc Tổng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty.

- 5.2. Trực tiếp nhận và xử lý các vấn đề được báo cáo bởi người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 5.3. Trình Đại hội đồng cổ đông những vấn đề sau:
 - a. Dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Kiến nghị tổ chức lại Tổng Công ty, tái cơ cấu Tổng Công ty bao gồm: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập; chuyển đổi loại hình; giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
 - c. Xây dựng quy mô vốn điều lệ Tổng Công ty;
 - d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - f. Đề xuất mức trích lợi nhuận vào các Quỹ của Tổng Công ty hàng năm;
 - g. Đề xuất xây dựng các quỹ dự trữ khác, phương án phân phối lợi nhuận và quy chế sử dụng các quỹ của Tổng Công ty hàng năm;
 - h. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty;
 - i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty;
 - j. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty hoặc các Công ty con của Tổng Công ty với những người có liên quan được quy định tại Điều 167.1 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán
 - k. Quyết định về việc thực hiện các giao dịch như quy định tại Điều 293.4 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - l. Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.
- 5.4. Đình chỉ, huỷ bỏ không điều kiện các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của Tổng Công ty, vi phạm pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

DỰ THẢO

- 5.5. Báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, báo cáo về việc giám sát đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác, báo cáo về việc quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm tài chính.
- 5.6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền, giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số trách nhiệm, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong một thời gian xác định.
- 5.7. Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông và dựa trên các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch cho Tổng Giám đốc.
- 5.8. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 6 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh.

Trong việc quyết định chiến lược phát triển chung, kế hoạch đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định sau:

- 6.1. Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 6.2. Có quyền quyết định, phê duyệt các phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định Điều lệ và pháp luật hiện hành trừ các trường hợp quy định tại Điều 17.2(l), Điều 17.2(n) và Điều 17.2(o) Điều lệ Tổng Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- 6.3. Phê duyệt kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính hàng năm.
- 6.4. Quyết định nghiên cứu các công nghệ mới và quyết định các giải pháp công nghệ.
- 6.5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 6.6. Quyết định bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền theo Điều lệ Tổng Công ty, thay đổi địa điểm trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 7- Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong kiện toàn tổ chức Tổng Công ty

Trong việc kiện toàn tổ chức Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định sau:

- 7.1. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty
- 7.2. Quyết định thành lập Công ty con dưới dạng công ty TNHH một thành viên;

DỰ THẢO

- 7.3. Quyết định góp vốn vào công ty TNHH từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần;
- 7.4. Quyết định mua cổ phần của các công ty cổ phần khác;
- 7.5. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước;
- 7.6. Quyết định đầu tư ra nước ngoài dưới mọi hình thức phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước dự kiến đầu tư và pháp luật quốc tế;
- 7.7. Phê duyệt nội dung các Quy chế nội bộ của Tổng Công ty, trừ Quy chế nội bộ về quản trị thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
- 7.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với các Cán bộ điều hành quan trọng của Tổng Công ty người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty, cụ thể gồm:
 - a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Cán bộ điều hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng, các lợi ích khác, và kỷ luật đối với các Cán Bộ điều hành đó;
 - c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm người đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định tiền lương đối với người đại diện quản lý phần vốn góp này.
 - d. Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng các phòng ban Tổng Công ty, Giám đốc chi nhánh, Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty;
- 7.9. Thực hiện giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty về Cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty trong các thủ tục pháp lý liên quan;

Điều 8 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty

Về các vấn đề tài chính và ngân sách của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định sau:

- 8.1. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 8.2. Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại,
- 8.3. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng quyền cho phép người sở hữu cổ phiếu theo mức giá định trước phù hợp với Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành;

DỰ THẢO

- 8.4. Quyết định huy động vốn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty bằng các hình thức khác như:
- a. Loại trái phiếu, chứng quyền đặt mua, thời điểm phát hành và tổng giá trị trái phiếu phù hợp với Điều 11 Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan;
 - b. Vay vốn từ cổ đông;
 - c. Vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
- 8.5. Quyết định việc mua lại dưới 10% tổng số cổ phần đã chào bán của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng;
- 8.6. Phê duyệt cơ chế tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm;
- 8.7. Đề xuất định mức trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất; quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ khen thưởng Ban điều hành ;
- 8.8. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Tổng Công ty khi được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
- 8.9. Quyết định giá mua lại cổ phần của Tổng Công ty theo nguyên tắc tương đương với giá thị trường theo quy định tại Điều 12.2 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9 – Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng và các văn bản về quản lý Tổng Công ty

Trong việc phê duyệt và ký kết hợp đồng kinh tế (bao gồm cả các thoả thuận có giá trị như hợp đồng) và các văn bản quản lý Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định như sau:

- 9.1. Hội đồng quản trị phê duyệt và Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp ký kết các hợp đồng sau:
- a. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty
- 9.2. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 17.2(l), Điều 17.2(n) và Điều 17.2(o) Điều lệ Tổng Công ty.
- 9.3. Chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Tổng Công ty hoặc Công ty con với một trong các đối tượng sau:

DỰ THẢO

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
- c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp.

Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 9.3 trên đây phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- 9.4. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty hoặc các Công ty con được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Tổng Công ty hoặc Công ty con với một trong các đối tượng quy định tại Điều 9.3 ở trên phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận và thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
- 9.5. Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận bằng văn bản, giám sát và ủy quyền cho Tổng Giám đốc trực tiếp ký kết các hợp đồng, thỏa thuận sau:
 - a. Thỏa thuận chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Tổng Công ty;
 - b. Hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị từ 30% vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3 và Điều 9.4 ở trên.
 - c. Hợp đồng nhượng bán, thanh lý tài sản lưu động, tài sản cố định của Tổng Công ty có nguyên giá 5.000.000.000 (Năm tỷ) Đồng trở lên đến dưới 35% vốn điều lệ của Tổng Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
 - d. Thỏa ước lao động tập thể với đại diện tập thể người lao động;
- 9.6. Đối với các hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại từ Điều 9.1 đến Điều 9.5 nêu trên, việc phê duyệt chủ trương và ký kết được thực hiện theo Quy chế tài chính của Tổng công ty.

DỰ THẢO

9.7. Hội đồng quản trị phê duyệt, chấp thuận bằng văn bản, giám sát và ủy quyền cho Tổng Giám đốc trực tiếp ký ban hành các văn bản sau đây về quản lý Tổng Công ty:

- a. Các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty (trừ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị, Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế công bố thông tin), Quy chế hoa hồng môi giới, quy chế phân quyền nội bộ...;
- b. Kế hoạch đầu tư, kinh doanh, đào tạo nhân sự hàng năm của Tổng Công ty;

9.8. Các văn bản quản lý Tổng Công ty khác ngoài các văn bản quy định tại Điều 9.7 trên đây do Tổng Giám đốc trực tiếp ký ban hành .

Điều 10 - Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và những vấn đề khác

10.1. Trong việc tổ chức cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định như sau:

- a. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Quyết định những nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và thực hiện thủ tục hỏi ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông ra quyết định;
- d. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác trong năm tài chính.

10.2. Trong các vấn đề khác liên quan đến quản lý và hoạt động của Tổng Công ty, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị như sau:

- a. Trực tiếp giải quyết hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết các khiếu nại trong nội bộ Tổng Công ty, tùy từng trường hợp cụ thể;
- b. Trực tiếp hoặc ủy quyền giải quyết các vụ kiện mà một bên là Tổng Công ty.

Điều 11- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

11.1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

DỰ THẢO

- 11.2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
- 11.3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 11.4. Mọi thành viên của Hội đồng quản trị không được nhân danh Hội đồng quản trị can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc trừ trường hợp quy định tại Điều 5.4 Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 12.1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trùng với nhiệm kỳ của HĐQT; thành viên HĐQT có thể được bầu lại trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 12.2. Trường hợp, một thành viên được bầu giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 13 - Cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 13.1 Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên còn lại phụ trách các lĩnh vực chuyên môn theo phân công.
- 13.2 Việc phân công điều chuyên nhiệm vụ giữa các thành viên phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị quyết định.
- 13.3 Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Tổng Công ty (trừ thành viên Ban Kiểm soát) hoặc ở các Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc khác nhưng không vi phạm Điều 13.1 dưới đây, Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật và phải đảm bảo tỷ lệ và yêu cầu đặt ra tại Điều 27.7 Điều lệ Tổng Công ty. Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

DỰ THẢO

- 13.4 Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị đề cử ít nhất ba (03) thành viên trong đó có Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đồng thời thông báo cho các thành viên khác và báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại phiên họp gần nhất của Hội đồng quản trị để hợp thức hoá.
- 13.5 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.
- 13.6 Mọi thành viên Hội đồng quản trị thi hành các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công, cụ thể như sau:
- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và thông qua Tổng Giám đốc yêu cầu bất kỳ Cán bộ điều hành cấp dưới nào trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty. Cán bộ điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết các vấn đề đó;
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Hội đồng quản trị và Quy chế này; thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên.
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Hội đồng quản trị, Quy chế này và pháp luật có liên quan.
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cao nhất của Tổng Công ty và cổ đông của Tổng Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

DỰ THẢO

- h. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác
- i. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- j. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật

Điều 14 - Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 14.1 Thành viên của Hội đồng quản trị phải đạt những tiêu chuẩn sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật Doanh nghiệp .
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.
 - c. Không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
 - d. Không là thành viên HĐQT của quá năm (05) tổ chức kinh doanh khác có ngành nghề kinh doanh liên quan đến Tổng Công ty.
- 14.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thay thế hoặc một người bất kỳ nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế này. Việc uỷ quyền và bãi miễn này phải lập thành văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Tổng Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ nếu họ không thông báo một địa chỉ được uỷ quyền nhận thông báo tại Việt Nam;
 - c. Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình như một thành viên chính thức trước thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền và trước pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền phải liên đới chịu trách nhiệm trước Tổng Công ty đối với các hành vi và sai lầm mà thành viên thay thế thực hiện.

Điều 15- Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 15.1 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14.1 ở trên và/hoặc vi phạm quy định sau:
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty và được chấp thuận.
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc hạn chế năng lực hành vi.
 - Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.
- 15.2 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 15.1 ở trên.
- 15.3 Các trường hợp thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định ở Điều 15.1 và Điều 15.2 ở trên phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:
- Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng chuyên môn tin cậy chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Tổng Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, lãng phí của công; lấy tài sản của Tổng Công ty cho người khác;
 - Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân; và
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực.
- 15.4 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.
- 15.5 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày

DỰ THẢO

được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

15.6 Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

- a. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
- b. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 15.1 và Điều 15.2 Quy chế này.

Điều 16- Công khai các lợi ích liên quan

16.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, Người có liên quan và tuyên bố này phải được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và niêm yết công khai tại trụ sở của Tổng Công ty và Chi nhánh của Tổng Công ty. Bao gồm:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

16.2 Việc kê khai các lợi ích quy định tại các Điều 16.1 trên đây phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

16.3 Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội

DỰ THẢO

đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Điều 17- Chủ tịch Hội đồng quản trị

17.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;

17.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản, quy định, hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- f. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký giấy triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, giao việc chuẩn bị phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Tiểu ban giúp việc;
- g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Tổ chức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
 - Tổ chức, gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền được họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Tổ chức, giám sát việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- i. Theo dõi, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- j. Phân công thành viên Hội đồng quản trị thẩm định các loại hợp đồng quy định tại Điều 9, Chương II Quy chế này.

DỰ THẢO

- 17.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt vì các lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và đã thông báo đến Hội đồng quản trị về những sự kiện này, thì Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT;
- 17.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đồng thời đều vắng mặt hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ thì người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;
- 17.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Tổng Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT.

Điều 18- Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị cử Cán bộ điều hành Tổng Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Ngoài các Tiểu ban được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, Hội đồng quản trị xem xét thành lập thêm các Tiểu ban như sau:

18.1 Ban kiểm soát nội bộ:

- a. Ban kiểm soát nội bộ: Biên chế của Ban kiểm soát nội bộ do HĐQT quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban và Điều lệ Tổng Công ty.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát nội bộ:
 - Kiểm tra và giám sát các đơn vị thực hiện các chủ trương, kế hoạch, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc.
 - Kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định, chính sách của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.
 - Kiểm tra và đánh giá mức độ tin cậy, độ chính xác của các số liệu trong sổ sách và các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

DỰ THẢO

- Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản của đơn vị; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị
- Đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp nhằm chấn chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý.
- Phân tích và đánh giá các rủi ro, phân tích các vấn đề về nguồn gốc, nguyên nhân của việc làm kém hiệu quả.
- Các công việc khác theo sự phân công của HĐQT, theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.

18.2 Tiểu ban thư ký:

- a. Tiểu ban thư ký: Biên chế của Tiểu ban do HĐQT quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban.
- b. Nhiệm vụ của Tiểu ban thư ký:
 - Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;
 - Kiểm tra tư cách đại biểu;
 - Thực hiện kiểm phiếu họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Sổ đăng ký cổ đông.
 - Giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Lưu trữ thông tin Tổng Công ty: Sổ đăng ký cổ đông, Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;
 - Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - Công bố thông tin của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán

18.3 Tiểu ban Tư vấn pháp lý:

- a. Biên chế của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban;

DỰ THẢO

b. Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:

- Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của Tổng Công ty;
- Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Tổng Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế, nội quy hoạt động của Tổng Công ty;
- Giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty;
- Hỗ trợ pháp lý cho Tổng Giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;
- Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

18.4 Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường:

- a. Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban;
- b. Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ:
 - Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;
 - Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực.

18.5 Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các tiểu ban nêu trên hoặc các tiểu ban đặc biệt khác khi nhu cầu thực tế đòi hỏi.

18.6 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 19- Các cuộc họp Hội đồng quản trị

19.1 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường

19.2 Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

19.3 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ điều hành khác;
- c. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

DỰ THẢO

- d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.

19.4 Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:

- a. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT;
- b. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề được thảo luận tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo.
- c. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 19.3 ở trên. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp tại Điều 19.3 ở trên có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

DỰ THẢO

- 19.5 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định và được sự nhất trí của HĐQT.
- 19.6 Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên HĐQT tham gia họp trong cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó.
- Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 19.6 này là địa điểm có đông thành viên Hội đồng quản trị nhất tập họp lại và nếu không có nhóm tập họp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.
- Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này
- 19.7 Những người được mời họp dự thính và cho ý kiến: Tổng Giám đốc và các Cán bộ điều hành khác trong Tổng Công ty (bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng), Ban kiểm soát, chuyên gia của bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

Điều 20 - Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị

- 20.1 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số các thành viên HĐQT chấp thuận dự họp.
- 20.2 Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo Điều 17.1 ở trên, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp.
- 20.3 Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.
- 20.4 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

DỰ THẢO

- a. Trừ quy định tại Điều 20.4(d) dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp tham dự cuộc họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.6 dưới đây;
 - c. Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản thông qua thư, fax, thư điện tử. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị ít nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 20.5 Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo cuộc họp và cách thức thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đến các thành viên Hội đồng quản trị, đi kèm với thông báo là nội dung chương trình họp và phiếu lấy ý kiến. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến từ thành viên Hội đồng quản trị gửi đến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.
- 20.6 Những vấn đề được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua nếu có đa số phiếu biểu quyết chấp thuận. Với những vấn đề được đề cập trong Điều 20.6 dưới đây, trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị không có tính chất quyết định như đã đề cập ở Điều 20.4(d) ở trên mà phải tổ chức biểu quyết lại:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty;

DỰ THẢO

- d. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Tổng Công ty;
- e. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay bất kỳ Cán bộ điều hành hoặc người đại diện nào của Tổng Công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm trên đây không được trái với các quyền của những người bị bãi nhiệm này theo Hợp đồng lao động của họ (nếu có);
- f. Bỏ nhiệm và bãi nhiệm các Cán bộ điều hành Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- g. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty về Cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến Cán bộ điều hành và người đại diện đó;
- h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- i. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- j. Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

20.7 Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản;
- b. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị;
- c. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian và địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;

DỰ THẢO

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được Hội đồng quản trị thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung như ở trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của Biên bản cuộc họp phải đảm bảo các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 20.7(c) trên đây.

Điều 21 – Trình báo cáo hằng năm

- 21.1 Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 21.2 Báo cáo quy định tại các Điều 21.1(a), Điều 21.1(b) và Điều 21.1(c) ở trên phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không có quy định khác.
- 21.3 Báo cáo quy định tại các Điều 21.1 và Điều 21.2 ở trên, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22- Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị

- 22.1 Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Tổng Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.
- 22.2 Văn phòng Tổng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị. Những văn bản của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan chức năng Nhà nước thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị được gửi tới thường trực Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Tổng Giám đốc thì sao gửi cho thường trực Hội đồng quản trị để theo dõi;
- 22.3 Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải được lên kế hoạch trước ít nhất ba (03) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Giám đốc;
- 22.4 Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Cán bộ điều hành, các Giám đốc chi nhánh, những người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty có vốn góp của Tổng Công ty, các Trưởng Phòng ban hoặc Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi đã thông báo cho Tổng Giám đốc biết. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải được lên kế hoạch trước ít nhất ba (03) ngày và không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của những người nói trên.

Điều 23 - Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

- 19.1-1. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông cho trích một khoản kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và được tính vào chi phí quản lý của Tổng Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.
- 23.2 Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:
- a. Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:
 - Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp;
 - Chi phí tìm kiếm thị trường: Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Chi phí tư vấn.
 - b. Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.
 - c. Đảm bảo thù lao tương xứng cho các thành viên trong Hội đồng quản trị.

DỰ THẢO

- 23.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá định mức công tác phí theo quy định của Tổng Công ty.
- 23.4 Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị nằm trong số kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
- 23.5 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị .
- 23.6 Tuỳ theo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, ngoài thù lao, thành viên Hội đồng quản trị được nhận thêm một khoản tiền thưởng. Tổng mức thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị chỉ xem xét và thưởng cho từng thành viên trong phạm vi mức thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 23.7 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị (thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, Công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp) phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 23.8 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 24.1 Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 24.2 Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
- 24.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

- 26.1 Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 26.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương V

MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY/NGƯỜI QUẢN LÝ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 27- Nguyên tắc quản lý đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty

- 27.1 Hội đồng quản trị nhân danh Tổng Công ty quản lý các Công ty con và công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty thông qua người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các công ty đó. Hội đồng quản trị không được nhân danh Tổng Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và buộc các Công ty con hoặc công ty có phần vốn góp phải thực hiện các hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lời mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con hoặc công ty có phần vốn góp thì Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
- 27.2 Hội đồng quản trị quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con và công ty có phần vốn góp của Tổng Công ty theo Điều 7.8 của Quy chế này.
- 27.3 Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn góp trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty.
- 27.4 Khi nhận được văn bản hỏi của người đại diện phần vốn góp, Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải trả lời bằng văn bản về các vấn đề được hỏi theo phân cấp được quy định tại Điều 5, Quy chế Phân quyền nội bộ của Tổng công ty trong vòng năm (05) ngày kể từ khi nhận được câu hỏi. Quá thời hạn này, nếu Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị Tổng Công ty không có văn bản trả lời thì coi như đồng ý với ý kiến của người đại diện phần vốn góp tại các Công ty con và công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 27.5 Hội đồng quản trị thay mặt Tổng Công ty giao nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch bằng văn bản cho người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty.
- 27.6 Hội đồng quản trị phân công các thành viên chuyên trách theo dõi hoạt động của một hoặc một số Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty. Việc theo dõi này phải đảm bảo nguyên tắc không can thiệp vào công tác điều hành của các Cán bộ điều hành, những người đại diện phần vốn góp cũng như hoạt động của những người này.

27.7 Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu những người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty con, công ty có vốn góp của Tổng Công ty phải có báo cáo về tình hình hoạt động của mình trong năm tài chính. Báo cáo được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất là ngày 20 tháng 01 năm kế tiếp năm báo cáo.

Điều 28- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty

Ngoài các nguyên tắc đã nêu tại Điều 23 ở trên, cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Công ty con và các công ty có vốn góp của Tổng Công ty cụ thể như sau:

28.1 Đối với Công ty TNHH một thành viên được quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc/Giám đốc

a. Mối quan hệ giữa Chủ tịch Công ty của Công ty con và Tổng Công ty cũng như Hội đồng quản trị Tổng Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty con.

b. Chủ tịch Công ty trực tiếp hỏi/báo cáo Hội đồng quản trị Tổng Công ty về các vấn đề nêu tại Điều 27.4.

28.2 Đối với Công ty TNHH một thành viên được quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc/Giám đốc.

a. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên của Công ty con và Tổng Công ty cũng như Hội đồng quản trị Tổng Công ty được thực hiện theo Điều lệ của Công ty con

b. Hội đồng thành viên của Công ty con nhân danh Tổng Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty con, vì vậy, Hội đồng thành viên của Công ty con là cơ quan hỏi ý kiến/báo cáo Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đối với các vấn đề nêu tại Điều 27.4. Văn bản hỏi phải nêu ý kiến kết luận của cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty con và các ý kiến khác với ý kiến kết luận đó (nếu có) để Hội đồng quản trị Tổng Công ty lấy đó làm căn cứ để xem xét.

28.3 Đối với Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên mà tại đó Tổng Công ty có nhiều hơn một người đại diện phần vốn góp: những người đại diện này họp bàn với nhau để ra một văn bản hỏi ý kiến Hội đồng quản trị Tổng Công ty trong đó có nêu ý kiến kết luận và ý kiến khác với ý kiến kết luận đó.

28.4 Đối với các công ty có vốn góp của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị nhân danh Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, của thành viên, của một bên liên doanh theo Điều lệ của các công ty đó thông qua người đại diện phần vốn góp của mình.

DỰ THẢO

Điều 29- Cơ chế quản lý của Hội đồng quản trị đối với các Chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước của Tổng Công ty

Hội đồng quản trị không trực tiếp quản lý đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc quản lý đối với các bộ phận này và có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình, kết quả hoạt động cũng như các vấn đề nảy sinh bất ngờ thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị.

Nếu cần thiết, Hội đồng quản trị làm việc trực tiếp đối với các bộ phận này theo quy định tại Điều 22.4 của Quy chế này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30- Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Cán bộ điều hành có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Ban Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này trong Tổng Công ty.

Điều 31- Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM
SOÁT**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..../QĐ.... Ngày....tháng....năm 2021
của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ)*

Tháng ... năm ...

MỤC LỤC

<u>CHƯƠNG I</u>	148
<u>NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG</u>	148
<u>Điều 1. Những căn cứ pháp lý</u>	148
<u>Điều 2. Phạm vi điều chỉnh</u>	148
<u>Điều 3. Đối tượng áp dụng</u>	148
<u>CHƯƠNG II</u>	148
<u>NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</u>	149
<u>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát</u>	149
<u>CHƯƠNG III</u>	149
<u>QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</u>	149
<u>Điều 5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý Tổng Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành</u>	150
<u>Điều 6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán</u>	150
<u>Điều 7. Kiểm soát báo cáo tài chính</u>	151
<u>Điều 8. Kiểm soát công tác quản lý, điều hành</u>	151
<u>Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</u>	152
<u>Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</u>	153
<u>Điều 11- Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông, và quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</u>	153
<u>CHƯƠNG IV</u>	155
<u>TRƯỞNG BAN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</u>	155
<u>Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</u>	155
<u>Điều 13. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động</u>	155
<u>Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</u>	156
<u>Điều 15. Trưởng Ban Kiểm soát</u>	156
<u>Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</u>	157
<u>Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u>	158
<u>Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u>	158
<u>Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</u>	159

<u>Điều 20. Cuộc họp Ban Kiểm soát</u>	159
<u>CHƯƠNG V</u>	161
<u>BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</u>	161
<u>Điều 21. Trình báo cáo hàng năm</u>	161
<u>Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác</u>	162
<u>Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan</u>	162
<u>CHƯƠNG VI</u>	163
<u>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</u>	163
<u>Điều 24- Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành</u>	163

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế về hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ quyết định thông qua ngày ... tháng ... năm ..., bao gồm ... chương ... điều

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

DỰ THẢO
NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

- 4.1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát
- 4.2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty;
- 4.3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty;
- 4.4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;
- 4.5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Tổng Công ty và các Cổ đông;
- 4.6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;
- 4.7. Mẫn cán và trung thực;
- 4.8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

CHƯƠNG III

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý Tổng Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- 5.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Cán bộ điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- 5.2. Nắm vững các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất các chính sách tài chính. Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của các nghị quyết của Hội đồng quản trị về thẩm quyền ban hành, về nội dung và tính hiệu quả khi thực hiện;
- 5.3. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết
- 5.4. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 5.5. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 5.6. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 5.7. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của các Quy chế về tổ chức và các mối quan hệ của bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị trước khi Hội đồng quản trị phê chuẩn. Giám sát việc thực hiện quy chế đã ban hành.
- 5.8. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 5.9. Nắm vững nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng ban/đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, đánh giá tính hợp lý, tính hợp pháp của các kế hoạch, phân công, điều hành và tính hiệu quả của công tác điều hành Tổng Công ty.

Điều 6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc ghi chép sổ kế toán

- 6.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; kiến nghị, góp ý “Quy chế Tài chính” của Tổng Công ty do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để phê duyệt và ban hành.

- 6.2. Giám sát việc thực hiện “ Quy chế Tài chính” của Tổng Công ty.
- 6.3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
- 6.4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên

Điều 7. Kiểm soát báo cáo tài chính

- 7.1. Định kỳ thẩm định, kiểm tra tính chính xác, minh bạch, hợp lý, hợp pháp trong báo cáo tài chính trước khi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông, liên đới chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về những sai sót trong báo cáo tài chính.
- 7.2. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu trong Báo cáo tài chính, yêu cầu Kế toán trưởng giải thích rõ ràng, minh bạch về ý nghĩa các số liệu trong Báo cáo tài chính.
- 7.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 7.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty.

Điều 8. Kiểm soát công tác quản lý, điều hành

- 8.1. Kiểm tra, kiểm soát nội dung của các quy chế: về Tổ chức và lao động; về Quản lý hành chính và thông tin trước khi Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 8.2. Giám sát việc thực hiện, bổ sung, sửa đổi những quy chế nói trên.
- 8.3. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 8.4. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

DỰ THẢO

- 8.5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty
- 8.6. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả
- 8.7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty
- 8.8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả
- 8.9. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 8.10. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 8.11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông
- 8.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 9. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 9.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 9.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác

quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 10.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
- 10.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 10.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 11. Quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông, và quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

- 11.1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
- 11.3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý hợp pháp của báo cáo tài chính và báo cáo sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- 11.4. Ban Kiểm soát phải cập nhật các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Tổng Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Tổng Công ty và Cổ đông của Tổng Công ty.

DỰ THẢO

- 11.5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của Cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Tổng Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của Cổ đông.
- 11.6. Được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể nhân danh Tổng Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.
- 11.7. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải cung cấp các thông tin và tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 11.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.10. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Tổng Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Tổng Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Tổng Công ty.
- 11.11. Phối hợp với Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc về xuất với Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.
- 11.12. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 11.13. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát
- 11.14. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV
TRƯỞNG BAN, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
VÀ CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 12.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 12.2. Thực hiện các quyền - nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.
- 12.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 12.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- 12.5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 Điều này phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

- 13.1. Cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát của Tổng Công ty có ba (03) thành viên.
- 13.2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Trường hợp, thành viên Ban kiểm soát được bầu trong nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

DỰ THẢO

- 13.3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 13.4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

- 14.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 14.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của TCT;
- 14.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ điều hành khác;
- 14.4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- 14.5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 14.6. Thường trú tại Việt Nam
- 14.7. Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

Điều 15. Trưởng Ban Kiểm soát

- 15.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số

- 15.2. Khi trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt, đi công tác xa, phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng ban để duy trì hoạt động thường xuyên của Ban Kiểm soát. Trường hợp trưởng Ban Kiểm soát không ủy quyền thì các thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử một người trong số họ làm trưởng Ban Kiểm soát.
- 15.3. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm các nội dung:
 - + Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành;

DỰ THẢO

- + Kế hoạch giám sát ghi sổ sách kế toán;
 - + Giám sát việc lập báo cáo tài chính hàng năm;
 - + Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị;
 - + Kiểm soát đánh giá tính hợp pháp tính hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký giữa Tổng Công ty với khách hàng.
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát, chủ tọa các cuộc họp Ban Kiểm soát phân công kiểm soát viên theo yêu cầu kiểm soát thường xuyên.
- c. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát khi có những vấn đề phát sinh lập kế hoạch và tổ chức lực lượng phù hợp để kiểm tra, giám sát đột xuất;
- d. Lập kế hoạch phối hợp cộng tác chặt chẽ với Hội đồng quản trị, ban điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát, kiểm tra
- e. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty để báo cáo Ban Kiểm soát.
- f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- 16.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 16.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát

DỰ THẢO

đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

- 16.3. Khi số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật so với quy định trong Điều lệ Tổng Công ty, thì phải kiến nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 17.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 18.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- 18.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

19.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

19.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 20. Cuộc họp Ban Kiểm soát

20.1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát

Trong trường hợp cần thiết, Trưởng ban kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập được chấp nhận tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

20.2. Người triệu tập họp Ban Kiểm soát:

Người triệu tập họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát. Trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp Ban Kiểm soát. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát không chấp nhận họp

DỰ THẢO

Ban Kiểm soát thì người đề nghị theo khoản 2 điều này có quyền tự mình triệu tập họp Ban Kiểm soát.

20.3. Thời gian triệu tập họp Ban Kiểm soát:

Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

20.4. Địa điểm họp Ban Kiểm soát:

Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể là cuộc họp trực tiếp hoặc online nhưng mọi thông tin, tài liệu phải được bảo mật vì tài liệu và nội dung có thể có những thông tin bí mật của Tổng Công ty.

20.5. Cuộc họp Ban Kiểm soát được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát cử thay thế tham dự.

Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

20.6. Biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát

- a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có 01 phiếu biểu quyết.
- b. Kết luận của Ban Kiểm soát được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết.
- c. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.
- d. Chỉ có thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

20.7. Người được mời họp Ban Kiểm soát phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ có liên quan. Khi biểu quyết những nội dung kết quả giám định kỹ thuật có thể mời các cơ quan đã tham gia giám định họp.

20.8. Lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát

- a. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập biên bản theo quy định.
- b. Trưởng Ban Kiểm soát có thể cử một thành viên trong Ban Kiểm soát hoặc yêu cầu Thư ký Tổng Công ty thực hiện việc lập biên bản cuộc họp.

DỰ THẢO

c. Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau:

- + Ngày, tháng, năm họp;
- + Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;
- + Ghi rõ cuộc họp là định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
- + Thành phần tham gia họp/ những người vắng mặt;
- + Những nội dung được đưa ra trao đổi;
- + Kết luận và biểu quyết về từng vấn đề

d. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được thông qua ngay trong cuộc họp và phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp;

e. Biên bản các cuộc họp của Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát quản lý và chỉ cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc/Đại hội đồng cổ đông.

f. Biên bản các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ theo quy định của tài liệu mật của Tổng Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 21.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 21.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 21.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 21.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 21.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành

viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- 21.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 21.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
- 21.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 22. Tiền lương và quyền lợi khác

- 22.1. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
- 22.2. Nguyên tắc chi tiêu:
 - a. Đảm bảo công tác giám sát;
 - + Chi phí cho công tác kiểm tra, giám sát;
 - + Chi phí cho các cuộc họp Ban Kiểm soát, chi phí ăn ở, đi lại;
 - + Chi phí thẩm định, tư vấn thuê ngoài;
 - b. Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm;
 - c. Đảm bảo thù lao tương xứng cho thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - e. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

- 23.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

DỰ THẢO

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 23.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 23.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 23.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 23.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành

- 24.1. Quy chế này gồm VI chương và 24 điều khoản, có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện. Các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.
- 24.2. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Ban Kiểm soát để xem xét quyết định.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Số : 17/NQ-ĐHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội khoá 14 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hoà Thọ ngày 17/4/2021.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY
QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

- | | |
|------------------------------|----------------|
| - Doanh thu: | 3,256 tỷ đồng |
| - Kim ngạch xuất khẩu: | 186 triệu USD. |
| - Tổng lợi nhuận trước thuế: | |
| + Hợp nhất: | 70,12 tỷ đồng |
| + Công ty mẹ: | 64,5 tỷ đồng |
- (Kèm theo báo cáo)

Điều 2. Thống nhất phương hướng, giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------|----------------|
| - Tổng doanh thu: | 3.842 tỷ đồng. |
| - Kim ngạch xuất khẩu: | 206 triệu USD. |
| - Tổng lợi nhuận trước thuế: | 75 tỷ đồng. |
- Trong đó Công ty mẹ:*
+ Lợi nhuận trước thuế: 70 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ: 15%.

Điều 3. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2020. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (Kèm theo báo cáo).

Điều 4. Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Tổng Công ty:

- Doanh thu thuần năm 2020 (báo cáo kiểm toán riêng): 3.062.312.330.493 đồng.
- | | |
|--|---------------------------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: | 57.336.133.163 đồng. |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 được phân phối: | 45.336.133.163 đồng. <u>Trong đó:</u> |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất: | 9.045.784.398 đồng. |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: | 1.240.348.765 đồng. |
| + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành: | 500.000.000 đồng. |

DỰ THẢO

- + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành vượt kế hoạch lợi nhuận giao (20% vượt kế hoạch): 800.000.000 đồng
- + Chia cổ tức: 33.750.000.000 đồng.
Tỷ lệ chi cổ tức 15%/vốn điều lệ, cổ tức được chia bằng tiền.
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối để đầu tư: 12.000.000.000 đồng

Điều 5. Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng chiến lược năm 2021 (Kèm theo báo cáo).

Điều 6. Thống nhất thông qua báo cáo thẩm tra hoạt động SXKD năm 2020 của Ban kiểm soát Tổng Công ty (Kèm theo Báo cáo).

Điều 7. Thống nhất thông qua Tờ trình quyết toán thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021.

Tổng thù lao dự kiến năm 2021 đảm bảo không vượt quá 2.052.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu đồng*). Mức chi lương và thù lao trên chưa bao gồm thuế TNCN, Tổng Công ty sẽ chi trả phần thuế TNCN phát sinh.

Điều 8. Thống nhất thông qua Phương án phát hành 1.125.000 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 đồng/CP, bán cho cán bộ nhân viên quản lý đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. (Chi tiết trong phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Tổng Công ty CP dệt may Hòa Thọ năm 2021 đính kèm).

Điều 9. Thống nhất thông qua Tờ trình về việc Bổ sung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, cụ thể:

1. Thông qua các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ theo các nội dung đề xuất tại Tờ trình và các nội dung khác (nếu có) phù hợp với các nội dung đề xuất, trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng Công ty.

3. Ủy quyền cho Ban kiểm soát Tổng Công ty thiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ theo các nội dung đề xuất tại Tờ trình và các nội dung khác (nếu có) phù hợp với các nội dung đề xuất, trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng Công ty.

3. Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới, đăng ký và gửi Điều lệ mới tới các cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông qua Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ sau khi được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ và các Quy chế nêu tại điều này có hiệu lực kể từ ngày 17/4/2021 và thay thế cho Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được ban hành trước đây.

Điều 10. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng Công ty năm 2021 là Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

DỰ THẢO

Điều 11. Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định mọi vấn đề có liên quan trong việc tổ chức thực hiện và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế, cũng như mở rộng quy mô sản xuất và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều 12: Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành:

Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ**

CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN.
- Tập đoàn Dệt May VN.
- HĐQT, BKS, Ban ĐH.
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Đức Trị

